

# **PHÁC THẢO DỰ ÁN**

**Hài hoà Phát triển ưu tiên cho  
người nghèo và bảo tồn nguồn tài  
nguyên thiên nhiên ở Bắc Trường  
Sơn, Việt Nam**

# MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
ACRONYMS AND ABBREVIATIONS.....	4
0. GIỚI THIỆU .....	6
1. TÓM TẮT .....	7
1.1 Phác thảo .....	7
1.2 Mục tiêu, kết quả và quá trình .....	7
1.2.1 Cơ sở của dự án .....	7
1.2.2 Mục tiêu của dự án .....	8
1.2.3 Mục đích của dự án .....	9
1.2.4 Kết quả dự án .....	9
1.2.5 Các bên hưởng lợi và tham gia dự án.....	11
1.3 Cơ sở và công tác xây dựng phác thảo dự án.....	13
1.3.1 Cơ sở.....	13
1.3.2 Xây dựng dự án.....	13
1.3.3 Phương pháp luận.....	14
1.4 Chiến lược thực thi dự án .....	15
1.5 Vấn đề về tính bền vững.....	16
1.6 Các điều kiện và quy chuẩn .....	16
1.6.1 Trước khi thực hiện dự án.....	16
1.6.2 Các điều kiện trong quá trình thực hiện dự án .....	17
2. GIỚI THIỆU .....	18
2.1 Vùng dự án.....	18
2.2 Giá trị rừng và đa dạng sinh học .....	19
3. MỤC TIÊU.....	20
3.1 Mục tiêu tổng thể (mục tiêu).....	20
3.2 Mục đích của dự án.....	20
3.3 Các kết quả chính .....	20
4. MÔ TẢ DỰ ÁN .....	21
4.1 Phác thảo .....	21
4.2 Các hoạt động .....	22
4.2.1 Các hệ thống được thiết lập, các thể chế và nguồn nhân lực được phát triển hơn nữa. ....	22
4.2.2 Các cách tiếp cận phát triển nhằm xoá đói giảm nghèo thí điểm, tập trung vào nâng cao đời sống cộng đồng thông qua các cơ hội canh tác lâm nghiệp, các sản phẩm phi gỗ và bảo tồn .....	25
4.2.3 Quản lý rừng cấp sinh cảnh được áp dụng để gắn kết các hoạt động sản xuất, bảo vệ và bảo tồn rừng.....	30
4.2.3.1 Tăng cường công tác quản lý rừng dựa vào cộng đồng .....	31
4.2.3.2 Cấp chứng nhận lâm nghiệp sản xuất ở cấp gia đình và lâm trường .....	34
4.2.3.3 Lập kế hoạch quản lý rừng tổng hợp nhằm góp phần thiết lập một hành lang rừng quốc gia và liên quốc gia ở Bắc Trường Sơn .....	36
4.3 Lịch trình thực hiện.....	39
4.4 Vị trí.....	40
4.5 Khung lô gíc .....	40
5. CHI TIẾT VỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH.....	41

5.1 Hình thức thực thi dự án .....	41
5.2 Các cơ quan thực thi dự án .....	41
5.3 Ban điều hành dự án.....	41
5.4 Ban quản lý dự án .....	41
5.4.1 Cán bộ và chức năng hoạt động .....	41
5.4.2 Giám đốc dự án .....	42
5.4.3 Hỗ trợ kỹ thuật .....	42
5.4.4 Hỗ trợ kỹ thuật ngắn hạn trong nước .....	43
5.5 Chi phí dự kiến của dự án.....	43
PHỤ LỤC 1. KHUNG LỘ GÍC .....	47
PHỤ LỤC 2. VÍ DỤ VỀ CÁC QUY ĐỊNH ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ THIẾT LẬP CÁC ĐIỀU KIỆN NHẬN VIỆN TRỢ CẤP XÃ	
PHỤ LỤC 3. CNNV: GIÁM ĐỐC DỰ ÁN	
PHỤ LỤC 4. CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ: HỖ TRỢ KỸ THUẬT DÀI HẠN.....	57
PHỤ LỤC 5. TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	59

## BẢNG CÁC TỪ VIẾT TẮT

KHHĐ	Kế hoạch hoạt động hàng năm
BCHT	Bảo tồn đa dạng sinh học ở Hà Tĩnh
CBD	Công ước về đa dạng sinh học
CBRIP	Dự án Cơ sở hạ tầng nông thôn dựa vào cộng đồng
CIDA	Cơ quan phát triển quốc tế Canada
CITES	Công ước về buôn bán quốc tế các loài nguy cấp
CPRGS	Chiến lược Tăng trưởng và Giảm nghèo tổng thể
CRES	Trung tâm nghiên cứu tài nguyên và môi trường
DANIDA	Cơ quan phát triển quốc tế của Đan Mạch
DARD	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
DoNRE	Sở Tài nguyên và Môi trường
DoLISA	Sở Lao động thương binh và xã hội
DoSTE	Sở Khoa học công nghệ và môi trường
EC	Cộng đồng Châu Âu
EIA	Đánh giá tác động môi trường
EOP	Kết thúc dự án
FDD	Cục Lâm nghiệp
FIB	Chi cục Kiểm Lâm
FIS	Hạt Kiểm lâm
FMB	Ban quản lý rừng
FPD	Cục Kiểm lâm – Hanoi (GOV)
FSC	Hội đồng cấp chứng chỉ rừng
FSDP	Dự án phát triển ngành lâm nghiệp
FSSP	Chương trình hỗ trợ ngành lâm nghiệp
GEF	Quỹ môi trường toàn cầu
GIS	Hệ thống thông tin địa lý
GOV	Chính phủ Việt Nam
GTZ	Gesellschaft fuer Technische Zusammenarbeit
HRDP	Dự án phát triển nông thôn Hà Tĩnh
ICDP	Dự án phát triển kết hợp bảo tồn
IFAD	Quỹ quốc tế cho phát triển nông thôn
IPM	Quản lý sâu bệnh tổng hợp
IRUA	Đánh giá sử dụng tài nguyên sơ bộ
ITTO	Tổ chức gỗ nhiệt đới quốc tế
KfW	Kreditanstalt fur Wiederaufbau
LUC	Chứng nhận Quyền sử dụng đất
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
MASPAS	Chiến lược quản lý Hệ thống các khu bảo vệ ở Việt Nam
M&E	Giám sát & Đánh giá
MIS	Hệ thống thông tin quản lý
MPRP	Chương trình giảm nghèo miền núi
MUZ	Khu sử dụng đa năng
NBCA	Khu Bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia
NN2	Dự án Nakai Nam Theun 2
NTFP	Lâm sản phi gỗ
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
OPEC	Các nước sản xuất và xuất khẩu dầu lửa
PARC	Dự án Thiết lập các khu bảo vệ để bảo tồn tài nguyên
PMU	Ban quản lý dự án

PPC	UBND Tỉnh
PSC	Ban điều hành dự án
RUP	Kế hoạch sử dụng tài nguyên
SFM	Quản lý rừng bền vững
SFE	Lâm trường quốc doanh
SFNC	Dự án Lâm nghiệp xã hội và Bảo tồn thiên nhiên
SNV	Schweizerische Normen-Vereinigung (Tổ chức phát triển Hà Lan)
STC	Công ty thương mại nhà nước
TA	Hỗ trợ kỹ thuật
TDM	Dự án quản lý Tam Đảo
TDNP	Vườn quốc gia Tam Đảo
TFT	Quỹ uỷ thác rừng nhiệt đới
TNA	Đánh giá nhu cầu đào tạo
TRAFFIC	Hệ thống giám sát buôn bán động vật hoang dã
UNDP	Chương trình phát triển Liên hợp quốc
UNIDO	Tổ chức phát triển công nghiệp Liên hợp quốc
VQNP	Vườn quốc gia Vũ Quang
WWF	Quỹ bảo tồn thiên nhiên thế giới

## 0. GIỚI THIỆU

Phác thảo dự án này được trình bày theo hình thức của một dự án có quy mô lớn. Tuy nhiên, các hợp phần của dự án có thể được thực hiện độc lập nếu Chính phủ và các tổ chức tài trợ muốn cấp kinh phí cho các hợp phần khác nhau hoặc chỉ một hợp phần trong dự án tổng thể. Mỗi hợp phần được thiết kế đầy đủ các nội dung và giải quyết những vấn đề cụ thể mà hiện nay vùng dự án đang gặp phải.

Chi phí của các hợp phần khác nhau như sau (xem Bảng 4.2 để biết thêm chi tiết: những con số dưới đây bao gồm chi phí thực hiện được phân bổ cho từng hợp phần khác nhau):

Các cách tiếp cận phát triển nhằm xoá đói giảm nghèo được thí điểm, tập trung vào nâng cao đời sống cộng đồng thông qua các cơ hội trong hoạt động lâm nghiệp, lâm sản phi gỗ và canh tác bảo tồn	\$ 5,150,000
Quản lý rừng dựa vào cộng đồng được tăng cường	\$ 3,275,000
Chứng chỉ rừng sản xuất	\$ 1,720,000
Lập kế hoạch quản lý rừng tổng hợp nhằm góp phần thiết lập hành lang rừng quốc gia và liên quốc gia ở dãy núi Bắc Trường Sơn	\$ 1,650,000
Tổng ngân sách cho dự án tổng thể bao gồm tất cả các hợp phần	\$11,800,000

# 1. TÓM TẮT

## 1.1 Phác thảo

Tên của dự án	Hài hoà Phát triển ưu tiên cho người nghèo và bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên ở Bắc Trường Sơn, Việt Nam.		
Lĩnh vực	Bảo tồn kết hợp phát triển ưu tiên cho người nghèo		
Thời gian	5 năm		
Cơ quan quản lý điều hành	Sẽ do Chính phủ quyết định		
Cơ quan thực thi (dự kiến)	Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh		
Chi phí dự kiến <sup>1</sup>	Hỗ trợ kỹ thuật	\$ 2,700,000	22.9%
	Dịch vụ	\$ 1,200,000	10.2%
	Trang thiết bị	\$ 700,000	6.0%
	Hợp phần 1. Hệ thống được thiết lập, các tổ chức, nguồn nhân lực được phát triển hơn nữa	\$ 700,000	6.0%
	Hợp phần 2. Các cách tiếp cận phát triển nhằm xoá đói giảm nghèo được thí điểm, tập trung vào nâng cao đời sống cộng đồng thông qua các cơ hội trong hoạt động lâm nghiệp, lâm sản phi gỗ và canh tác bảo tồn.	\$ 2,000,000	17.0%
	Hợp phần 3. Quản lý rừng cấp sinh cảnh được triển khai nhằm gắn kết các cách tiếp cận bảo vệ rừng, bảo tồn và sản xuất. 3a. Tăng cường công tác quản lý rừng dựa vào cộng đồng 3b. Xác nhận sản phẩm lâm nghiệp/Cấp chứng chỉ rừng sản xuất cấp lâm trường và cấp hộ. 3c. Lập kế hoạch quản lý rừng tổng hợp nhằm góp phần thiết lập hành lang rừng quốc gia và liên quốc gia ở dãy núi Bắc Trường Sơn.	\$ 1,200,000	10.2%
			\$ 750,000
		\$ 600,000	5.1%
	Chi phí hoạt động của PMU	\$ 1,500,000	12.7%
	Vốn tài trợ	\$ 200,000	1.3%
	Thông tin	\$ 250,000	2.1%
	Dự phòng	Chưa bao gồm	
	TỔNG	\$ 11,800,000	

## 1.2 Mục tiêu, kết quả và quá trình

### 1.2.1 Cơ sở của dự án

Cũng giống như hầu hết các vùng sâu vùng xa của Việt Nam, vùng biên giới của Hà Tĩnh thiếu các cơ hội để nâng cao đời sống và thu nhập. Điều này là hệ quả của việc thiếu các kỹ năng và kiến thức để nắm bắt được các cơ hội đã tồn tại và thiếu mối liên kết với các thị trường để có thể tạo cho họ nắm bắt được những cơ hội mới. Các chính sách của Chính phủ hiện nay bắt đầu giải quyết những vấn đề này nhưng năng lực và nguồn lực hiện có

<sup>1</sup> Bao gồm nguồn vốn của các nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam.

của các cơ quan hành chính cấp tỉnh phủ rất hạn chế, khó có thể đi sâu đi sát các hộ nghèo nhất và xa xôi hẻo lánh nhất.

Các huyện biên giới của tỉnh Hà Tĩnh có dân số khoảng 50.000 người, trong đó 40-50% được phân loại là đang có mức sống nghèo<sup>2</sup> - chiếm tỷ lệ phần trăm cao nhất trong tổng số hộ nghèo của tỉnh. Do cách xa đường quốc lộ, các huyện biên giới thiếu các cơ hội để đa dạng hoá sản xuất và tiếp thị sản phẩm. Có lẽ mạng lưới thị trường có tổ chức duy nhất mở rộng đến vùng xa xôi hẻo lánh này và cũng là thị trường mà người dân có thể tiếp cận với hàng hoá là buôn bán trái phép động vật hoang dã và lâm sản. Điều này dẫn đến áp lực ngày càng tăng lên nguồn tài nguyên thiên nhiên. Các chương trình của Chính phủ có mục đích giảm sự tàn phá rừng ở một mức độ nào đó là rất tích cực và có thể nói là thành công nhưng việc tiếp tục suy giảm nguồn tài nguyên dẫn đến "hội chứng rừng trống" không được giải quyết hiệu quả - mặc dù Chính phủ đã có nhiều chính sách và các văn bản pháp luật liên quan.

Các hoạt động được mô tả trong Phác thảo Dự án được đề xuất được xây dựng trên cơ sở các sáng kiến hiện nay của Chính phủ và dự án ở các huyện biên giới của tỉnh Hà Tĩnh, tạo ra một sự chuyển đổi từ các nền kinh tế chủ yếu là khai thác rừng do các lực lượng thị trường bên ngoài kiểm soát sang quản lý bền vững và cung cấp dịch vụ tại địa phương. Dự án này được lãnh đạo tỉnh Hà Tĩnh coi là một ưu tiên quan trọng, giúp giảm suy thoái môi trường trong khu vực này đồng thời triển khai quá trình phát triển bền vững. Trong khi dự án tập trung vào các huyện biên giới, việc ký kết dự án cũng sẽ đòi hỏi tỉnh triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ để tạo môi trường thuận lợi cho các sáng kiến của dự án.

### 1.2.2 Mục tiêu của dự án

Như đã được trình bày trong khung logic (**Phụ lục 1**), mục tiêu; của dự án là góp phần hài hoà đời sống của cộng đồng với bảo tồn nguồn tài nguyên ở dãy Bắc Trường Sơn.

Dự án sẽ hỗ trợ Chính phủ và Tỉnh thực hiện quá trình mang tính bền vững và có thể nhân rộng nhằm nâng cao đời sống thông qua phát triển bền vững và một loạt các cơ hội tạo thu nhập và quản lý nguồn tài nguyên rừng hiệu quả hơn và bền vững hơn. Mục đích là hoàn thiện một quá trình thay đổi đã được khởi xướng, trong đó các cộng đồng địa phương có thể đánh giá được những lợi ích của họ trong việc tạo ra một môi trường bền vững và trong quản lý tài nguyên thiên nhiên. Phát triển kinh tế sẽ không còn là một mục tiêu tách biệt mà sẽ trở nên gắn liền với quản lý môi trường. Các chính sách phát triển bền vững, quản lý môi trường và đặc biệt là quản lý rừng cộng đồng sẽ đi vào thực tiễn. Việc thực thi thành công dự án sẽ là tiền đề cho các nỗ lực trong tương lai hài hoà phát triển với bảo tồn thiên nhiên ở các vùng rừng. Thành công sẽ được đánh giá thông qua việc tạo ra các cơ hội và hoạt động kinh tế và hiệu quả của bảo tồn rừng và động vật hoang dã của các cơ quan ban ngành liên quan và cộng đồng địa phương.

Tuy nhiên, hạn chế cơ bản ở đây là tỉnh phải ban hành các văn bản và thực thi kiểm soát khai thác tài nguyên rừng có mục đích thương mại hiện nay đang do lực lượng bên ngoài kiểm soát và vượt khỏi sức mạnh ảnh hưởng của dự án. Buôn bán động vật hoang dã và gỗ có mục đích thương mại hiện nay đang rất phổ biến trên địa bàn tỉnh, được tổ chức bởi các doanh nghiệp ở thành thị (thường rất giàu có và có ảnh hưởng), và đem lại rất ít lợi ích cho người nghèo ở nông thôn đang phá hoại nguồn tài nguyên của mình. Việc xây dựng các quy chuẩn cho các cơ quan ban ngành cấp tỉnh để thực hiện kiểm soát như đã được kêu gọi

<sup>2</sup> Nghèo đói được xác định theo 'chuẩn mới về nghèo đói' của Chính phủ được xác định cho giai đoạn 2001-2005 của Chương trình giảm nghèo quốc gia. Nghèo đói được xác định về khía cạnh tài chính dựa trên thu nhập theo đầu người dưới 80.000 đồng/tháng ở các vùng biển và vùng núi, 100.000 đồng đối với vùng đồng bằng và 150.000 đồng đối với thành thị.



trong các chính sách và các văn bản pháp luật của Chính phủ gần đây sẽ là một khía cạnh quan trọng trong giai đoạn khởi động dự án.

### 1.2.3 Mục đích của dự án

Như đã được trình bày trong khung logic (**Phụ lục 1**), mục tiêu của dự án là các điều kiện được thiết lập qua đó cộng đồng địa phương có nhiều cơ hội để cải thiện đời sống của mình hài hoà với bảo tồn thiên nhiên và gắn liền với quản lý rừng ở trong và ngoài các khu bảo vệ. Hiện nay, ở mức độ nào đó đã tồn tại mâu thuẫn giữa hoạt động của cộng đồng địa phương với các chương trình nghị sự về phát triển kinh tế xã hội của tỉnh cũng như các chương trình nghị sự bảo vệ đa dạng sinh học và bảo tồn rừng.

Dự án sẽ tập trung vào hai huyện biên giới có tỷ lệ hộ nghèo cao và có diện tích rừng lớn, Hương Sơn và huyện mới được thành lập gần đây, huyện Vũ Quang; dự án sẽ mở rộng sang huyện thứ ba, Hương Khê vào giai đoạn giữa nếu tiến độ thực hiện dự án tốt và nhanh. Để đạt được mục đích này, dự án sẽ mở rộng các hoạt động thí điểm hiện nay và triển khai cách tiếp cận mới và cải tiến gắn phát triển ưu tiên người nghèo với các mục tiêu bảo tồn cụ thể và góp phần hỗ trợ Chính phủ thực hiện các chính sách quản lý môi trường và tài nguyên mới đang nảy sinh từ việc thay đổi pháp luật. Thực thi dự án sẽ hỗ trợ các sáng kiến xây dựng năng lực của Chính phủ và các tổ chức cộng đồng để thực hiện các hoạt động cần thiết và đảm bảo sự tham gia tích cực của các hộ gia đình, nhất là những hộ nghèo nhất. Dự án sẽ đạt được mục tiêu nếu những hộ này được hỗ trợ hoạt động tạo thu nhập thay thế bền vững về mặt môi trường và tham gia tích cực vào công tác quản lý rừng để đảm bảo tính bền vững lâu dài của các sản phẩm và dịch vụ dựa vào rừng.

### 1.2.4 Kết quả dự án

Có ba kết quả (hợp phần), đã được xây dựng dựa vào những bài học kinh nghiệm từ các dự án<sup>2</sup> đã và đang được triển khai của Chính phủ và rất nhiều cuộc trao đổi với các bên tham gia. Cả ba hợp phần này sẽ thiết lập cơ chế cần thiết cho phát triển bền vững dựa trên nguyên tắc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và gắn liền với hoạt động bảo tồn những nguồn lực này một cách chủ động (chứ không phải bị động).

#### Hợp phần 1. Các hệ thống được thiết lập, các thể chế và nguồn nhân lực được phát triển hơn nữa.

Hợp phần này được thiết kế để xác lập các hệ thống cần thiết và tạo ra khuôn khổ thuận lợi cần thiết để đạt được các mục tiêu của dự án. Các hệ thống này bao gồm công tác điều phối cấp quốc gia, tỉnh và xã. Các kỹ năng lập kế hoạch, kỹ thuật và quản lý sẽ được phát triển để hỗ trợ cho việc lập kế hoạch và ngân sách hàng kịp thời và có chất lượng, dự đoán và giải quyết các vấn đề thực thi một cách nhanh chóng và tiến hành điều chỉnh căn cứ vào tiến độ và phản hồi của dự án. Hợp phần này sẽ bao gồm cấp kinh phí cho các chi phí hoạt động tác nghiệp, cán bộ hợp đồng, hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến công tác quản lý dự án, đào tạo và hội thảo, cải tạo nâng cấp văn phòng dự án nếu cần thiết, trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, xe cộ của dự án v.v.

Các sáng kiến xoá đói giảm nghèo và quản lý rừng chủ yếu được thực hiện ở cấp xã và đào tạo và nâng cao năng lực sẽ tập trung ở đây. Tuy nhiên, xây dựng năng lực của các cơ quan trong ngành ở cấp huyện và trong một số trường hợp ở cấp tỉnh cũng rất cần thiết và

<sup>3</sup> Ví dụ, kết quả thực hiện kế hoạch hành động bảo vệ môi trường của huyện Hương Sơn thông qua cộng đồng, tập trung vào đa dạng hoá thu nhập cho các hộ nghèo

sẽ được hỗ trợ. Một vấn đề quan trọng nữa là phản hồi kinh nghiệm lên trung ương để thiết lập một sự liên hệ giữa thực hiện tại hiện trường và xây dựng chính sách.

Có ba chỉ số được trình bày trong khung logic căn cứ vào chức năng hoạt động của các hệ thống, mức độ và tính hữu ích của đào tạo và sự tham gia của phụ nữ.

### Hợp phần 2. Các cách tiếp cận phát triển nhằm xoá đói giảm nghèo thí điểm, tập trung vào nâng cao đời sống cộng đồng thông qua các cơ hội canh tác lâm nghiệp, các sản phẩm phi gỗ và bảo tồn

Các hoạt động của hợp phần này sẽ sử dụng mạng lưới thông tin, tuyên truyền và cơ hội đào tạo được thiết lập ở Hợp phần 1 để khuyến khích các cộng đồng địa phương nắm bắt các cơ hội mới và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và vật chất cho họ để thực hiện. Các cách tiếp cận phát triển sẽ tập trung vào sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững và đổi mới ở vùng cao, trong đó có phát triển sản xuất tại chỗ và liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và các công cụ phát triển thị trường/tiếp thị sản phẩm.

Có sáu chỉ số được trình bày trong khung logic căn cứ vào công tác quản lý tài nguyên và đất đai được cải tiến, thành công của việc nắm bắt các cơ hội kinh doanh dựa vào nguồn tài nguyên của các doanh nghiệp nhỏ và thành công của việc gắn kết phát triển với bảo tồn nguồn tài nguyên.

### Hợp phần 3. Quản lý rừng cấp sinh cảnh được áp dụng để gắn kết các hoạt động sản xuất, bảo vệ và bảo tồn rừng

Chiến lược tổng thể của dự án là gắn kết công tác quản lý tất cả các loại rừng vào chiến lược quản lý sinh cảnh bền vững, đề cao công tác bảo tồn rừng. Chiến lược này sẽ đòi hỏi phải có sự tham gia của các nhà hoạch định chính sách của tỉnh, những người đang xây dựng môi trường thuận lợi cho công tác quản lý và phát triển bền vững cũng như phổ biến kết hợp với các tỉnh lân cận và các tỉnh giáp ranh của Lào vì tại đó cũng đang triển khai các sáng kiến tương tự về bảo tồn rừng.

Công tác quản lý những khu rừng phòng hộ quan trọng sẽ được tăng cường để các khu rừng có thể trở thành nơi trú ngụ cho các loài nguy cấp và là nơi lưu giữ nguồn gen để từ đó các loài có thể di chuyển để tái định cư ở các vùng lân cận. Công tác này bao gồm nâng cao năng lực quản lý cho Ban quản lý VQG Vũ Quang và năng lực quản lý của các khu rừng phòng hộ đầu nguồn (bao gồm các Lâm trường quốc doanh, Hạt Kiểm lâm huyện và các hộ nông dân và các tổ chức tập thể nhận giao khoán bảo vệ rừng theo chương trình 661).

Liên quan đến đất sản xuất lâm nghiệp, dự án có mục đích hỗ trợ thay đổi chức năng và hoạt động của ba nhóm:

- Hộ nông dân, sẽ được hỗ trợ để quản lý và thu được lợi ích bền vững từ đất sản xuất lâm nghiệp đã được giao cho các hộ (v.d các hộ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/Sổ đỏ.. Các hộ sẽ được hỗ trợ để thành lập các hợp tác xã nhằm mục tiêu cấp chứng chỉ công nhận lâm sản cấp hộ.
- Các lâm trường quốc doanh, trước đây là chủ sở hữu phần lớn diện tích đất sẽ được hỗ trợ để vừa cung cấp dịch vụ cho các chủ rừng khác và vừa phát triển nâng cao hiệu quả quản lý và chương trình cấp chứng chỉ rừng cho các khu rừng do họ quản lý. (Một số diện tích đất của lâm trường đã được giao khoán lại cho các hộ sống trong hoặc giáp ranh diện tích đất của lâm trường quốc doanh).
- Ở một mức độ nào đó, các nhà hoạch định chính sách của tỉnh có ảnh hưởng đến việc tạo ra môi trường thuận lợi cho phát triển lâm nghiệp trong đó có cấp chứng chỉ rừng

cho các Lâm trường quốc doanh và hoạt động quản lý hợp tác xã của các hộ cũng sẽ được hỗ trợ.

Dự án có mục đích triển khai một kế hoạch dài hạn mà qua đó cảnh quan rừng phía bắc dãy Trường Sơn được quản lý như một thể thống nhất về cả hai phía đường biên giới quốc tế, tạo nên một hành lang xanh nhằm bảo vệ có hiệu quả các loài động thực vật hoang dã. Dự án sẽ hỗ trợ việc thực hiện kế hoạch này ở tỉnh Hà Tĩnh bằng cách một mặt thì thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào công tác quản lý rừng phòng hộ thông qua việc hình thành các phân khu đa mục đích, đem lại lợi ích cho người dân từ việc duy trì tính toàn vẹn của các khu rừng phòng hộ, mặt khác nâng cao năng lực thực thi pháp luật nhằm kiểm soát hiệu quả hơn nữa các đối tượng khai thác rừng (nhiều người trong số họ không phải là dân cư của vùng dự án).

Hợp phần này được chia thành ba hợp phần phụ tập trung vào quản lý rừng dựa vào cộng đồng, cấp chứng chỉ cho rừng sản xuất ở cấp doanh nghiệp và các hộ gia đình, và lập kế hoạch rừng tổng hợp để góp phần bảo tồn dãy Bắc Trường Sơn. Có 9 chỉ số được trình bày trong khung logic căn cứ vào việc hoàn thành giao đất lâm nghiệp và triển khai các biện pháp quản lý phù hợp trên đất được giao, phát triển đồng quản lý rừng giữa ban quản lý các khu bảo vệ và các hộ gia đình sống trong và rập gianh jhu bảo vệ và có quyền sử dụng đất lâu đời, đạt được và cấp tài chính bền vững cho chứng chỉ rừng, và triển khai lập kế hoạch quản lý rừng tổng hợp cho khu hành lang rừng mở rộng dọc theo biên giới tỉnh Hà Tĩnh và Lào (tham gia phối hợp với các tỉnh giáp ranh ở Việt Nam và Lào).

#### *1.2.5 Các bên hưởng lợi và tham gia dự án*

Các bên tham gia chính của dự án bao gồm:

##### Ủy ban Nhân dân Tỉnh

Ủy ban Nhân dân Tỉnh là cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương có trách nhiệm chấp hành các văn bản của nhà nước cấp trên. UBND Tỉnh chịu trách nhiệm quản lý về mặt nhà nước đối với tất cả các lĩnh vực, các mặt hoạt động của địa phương, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Chính phủ. Trong phạm vi của dự án, UBND Tỉnh phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và đầu tư về các vấn đề tài chính, và với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về các vấn đề kỹ thuật.

##### Ủy ban Nhân dân Huyện

Ủy ban Nhân dân huyện là cơ quan hành chính nhà nước cấp huyện, chịu trách nhiệm quản lý về mặt nhà nước đối với tất cả các lĩnh vực trong đó có hoạt động của các cơ quan ban ngành cấp huyện như Hạt Kiểm lâm, Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Khuyến nông và Phòng Kế hoạch. Những cơ quan ban ngành này rất quan trọng trong việc thực hiện cải cách ruộng đất và lập quy hoạch nông nghiệp và lâm nghiệp. UBND huyện báo cáo và nhận các chỉ thị từ UBND Tỉnh.

##### Ủy ban Nhân dân xã

UBND xã ở cấp xã là cơ quan hành chính nhà nước cấp xã. UBND xã chịu trách nhiệm báo cáo cho huyện về các kết quả sản xuất nông nghiệp và các kết quả thực hiện kế hoạch kinh tế xã hội. UBND xã cũng chịu trách nhiệm tuyên truyền các chính sách của nhà nước ở cấp xã. UBND xã đóng vai trò quan trọng trong tổ chức bộ máy nhà nước và quản lý hoạt động quốc phòng, an ninh, chính trị, kinh tế xã hội tại địa bàn xã. UBND xã chịu trách nhiệm chính đối với việc nâng cao đời sống cho dân cư trên địa bàn xã.

##### Sở Kế hoạch và đầu tư

Sở Kế hoạch và đầu tư chịu trách nhiệm phân bổ và sử dụng ngân sách của các cơ quan ban ngành cấp tỉnh, tham mưu UBND Tỉnh giám sát việc phân bổ và sử dụng ngân sách. Sở Kế hoạch và đầu tư chịu trách nhiệm trước UBND Tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

#### Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu sự lãnh đạo trực tiếp của UBND Tỉnh và có trách nhiệm giám sát môi trường trên địa bàn toàn tỉnh, ngoài ra còn có các chức năng nhiệm vụ khác.

#### Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu sự lãnh đạo trực tiếp của UBND Tỉnh. Sở Nông nghiệp & PTNT chịu trách nhiệm thực hiện các chính sách phát triển và các vấn đề liên quan đến nông nghiệp và điều kiện sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh. Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm báo cáo lên Bộ Nông nghiệp và PTNT, trong đó có Cục Kiểm Lâm, và chịu trách nhiệm trước UBND Tỉnh.

#### Chi cục Kiểm lâm

Chi cục Kiểm Lâm là cơ quan cấp tỉnh của Cục Kiểm Lâm và chịu trách nhiệm về công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh. Chi cục Kiểm Lâm báo cáo lên Cục Kiểm Lâm nhưng chịu trách nhiệm trước UBND Tỉnh về tất cả các hoạt động của mình.

#### Chi cục Phát triển Lâm nghiệp

Chi cục Phát triển Lâm nghiệp chịu trách nhiệm trước UBND Tỉnh về thực hiện chương trình 661 và tất cả các hoạt động khai thác tài nguyên rừng nằm ngoài khu rừng đặc dụng. Khác với Chi cục Kiểm Lâm, Chi cục Phát triển lâm nghiệp vẫn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Mặc dù thẩm quyền của hai cơ quan này đã được xác định rõ, nhưng trong nhiều lĩnh vực hoạt động, trách nhiệm của Chi cục Kiểm Lâm và Chi cục Phát triển lâm nghiệp còn chồng chéo.

#### Các Lâm trường quốc doanh (LTQD)/Các Ban quản lý rừng (BQL rừng)

Tỉnh Hà Tĩnh hiện nay có LTQD Hương Khê và hai lâm trường khác hiện nay chuyển thành BQL rừng (Hương Sơn và Chúc A). Những đơn vị này quản lý phần lớn các diện tích rừng tự nhiên ở trong vùng dự án được đề xuất. Trách nhiệm của họ là sử dụng tài nguyên rừng được giao cho họ quản lý một cách có hiệu quả nhất, tạo ra lợi nhuận để đóng góp vào ngân sách Nhà nước. Trong khi thực hiện chức năng này, các LTQD có nghĩa vụ bảo vệ, quản lý và khai thác rừng do họ quản lý. Các LTQD chịu sự quản lý của UBND Tỉnh và Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UBND Tỉnh trong công việc theo dõi quản lý các LTQD.

#### Vườn quốc gia Vũ Quang (VQG Vũ Quang)

Ban quản lý Vườn quốc gia Vũ Quang quản lý VQG Vũ Quang và chịu sự quản lý trực tiếp của UBND Tỉnh. Ban quản lý Vườn quốc gia có trách nhiệm bảo vệ diện tích rừng giao cho Vườn quản lý và phối hợp với chính quyền địa phương trong phát triển kinh tế xã hội ở vùng đệm. BQL VQG được Sở Kế hoạch và đầu tư cấp kinh phí sự nghiệp hàng năm và được Trung ương cấp kinh phí phát triển thông qua Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

Các đối tượng hưởng lợi:

Đối tượng hưởng lợi chính của dự án là các hộ nông dân nghèo nhất ở các huyện biên giới của tỉnh Hà Tĩnh, như đã trình bày trong phần chính của Dự án này. Các hoạt động của Dự án được thiết kế chủ yếu để hỗ trợ sinh kế của phụ nữ và sẽ khuyến khích sự phát triển của các tổ chức phụ nữ.

Đối tượng hưởng lợi thứ hai là các lâm trường và các hộ kinh doanh cá thể sẽ được hỗ trợ phát triển kinh doanh và tiếp cận các cơ hội thị trường như, kết quả của việc thực thi dự án. Mục đích của dự án là phối hợp chặt chẽ hơn với các doanh nghiệp có hoạt động chế biến

và sản xuất hợp pháp trong ngành nông nghiệp/lâm nghiệp và hạn chế và giảm dần các hoạt động kinh doanh dựa trên hoạt động sản xuất khai thác rừng bất hợp pháp.

Đối tượng hưởng lợi thứ ba là cán bộ huyện và một số cán bộ tỉnh, những đối tượng này sẽ được nâng cao năng lực để tiếp tục lâu dài các hoạt động mà dự án đã khởi xướng (cụ thể là các Hạt Kiểm Lâm, VQG Vũ Quang, Chi cục Kiểm Lâm tỉnh và Trung tâm khuyến nông khuyến lâm).

### **1.3 Cơ sở và công tác xây dựng phác thảo dự án**

#### **1.3.1 Cơ sở**

Phác thảo dự án được xây dựng theo đề nghị của UBND Tỉnh Hà Tĩnh<sup>4</sup> với sự hỗ trợ tài chính của Đan Mạch (DANIDA).

Dự án được xây dựng phù hợp với các chiến lược quốc gia của Chính phủ về xoá đói giảm nghèo ở vùng sâu vùng xa (đáng chú ý là Chiến lược Phát triển và xoá đói giảm nghèo toàn diện CPRGS) và các kế hoạch phát triển của tỉnh. Nó bổ sung cho các chương trình hiện nay của Chính phủ, hỗ trợ nhưng không thay thế và bổ sung cho Dự án sắp được Canada tài trợ "Dự án cải thiện sinh kế ở bắc Việt Nam". Dự án này tập trung vào các huyện gần kề là Thạch Hà và Đức Thọ của tỉnh Hà Tĩnh và không bao gồm các hoạt động ở các huyện biên giới là các huyện mục tiêu của dự án.

Dự án này là dự án tiếp nối dự án "Bảo tồn đa dạng sinh học ở dãy Bắc Trường Sơn (Dự án BCHT) do DANIDA tài trợ và xây dựng dựa trên những hoạt động thành công của dự án này (dự án này sẽ kết thúc vào tháng 12 năm 2005). Nó cũng phát triển các hoạt động thí điểm thành công và các hợp phần của dự án Phát triển nông thôn Hà Tĩnh do IFAD tài trợ, tập trung vào các huyện và xã và sẽ kết thúc vào tháng 10 năm 2005. Dự án sẽ thực hiện song song với các hoạt động phát triển bền vững đang được triển khai ở Lào, do Ngân hàng thế giới tài trợ như là một phần của dự án phát triển nhà máy thủy điện NaKai Nam 2.

Các cơ quan ban ngành liên quan của tỉnh Hà Tĩnh thống nhất là dự án này nên tập trung vào các huyện biên giới, bắt đầu với huyện Hương Sơn và Vũ Quang, và có thể vào giai đoạn giữa mở rộng vào huyện Hương Khê. Những huyện này là những huyện có dân số ít nhất ở tỉnh Hà Tĩnh (có mật độ dân số dưới 250 người/km<sup>2</sup>), có tỷ lệ dân số đang sống ở mức nghèo đói cao nhất (35-50% theo các phân tích khác nhau) và chiếm khoảng 70% rừng tự nhiên còn sót lại ở tỉnh.<sup>5</sup> Huyện Hương Sơn đã từng là địa bàn tập trung các hoạt động phát triển bền vững thí điểm của dự án BCHT và mục đích trung tâm của dự án này là củng cố và mở rộng các hoạt động thí điểm ở vùng biên giới của tỉnh, bổ sung cho các chương trình/dự án tương tự ở các tỉnh lân cận và ngang qua đường biên giới với Lào.

#### **1.3.2 Xây dựng dự án**

Xác định nhu cầu sơ bộ cho dự án này được nhấn mạnh trong Đánh giá giữa kỳ của Dự án BCHT tháng 1 năm 2004 và một số hoạt động đã được thực hiện bởi dự án BCHT trong giai đoạn 2004 và 2005. Là một phần của dự án BCHT, hoạt động xây dựng dự án cụ thể được thực hiện giữa tháng 3 và tháng 5 năm 2005, và kết quả là sự ra đời của tài liệu này.

<sup>4</sup> Công văn số 28 BC/UB-TH, ngày 04/3/2005.

<sup>5</sup> Để biết thêm chi tiết, xem Lập kế hoạch Atlas của tỉnh Hà Tĩnh, Sở Kế hoạch và ĐT Hà Tĩnh, tháng 3/2004.

Trong quá trình xây dựng dự án, tư vấn đã thực hiện ba chuyến công tác tới tỉnh Hà Tĩnh để thu thập các thông tin về các nội dung như sau:

- Ý kiến của các cơ quan ban ngành khác nhau về thành công của các dự án đã được thực hiện trước đó, các bài học kinh nghiệm và lựa chọn đối với hoạt động của một dự án mới.
- Các hoạt động kỹ thuật nên được thực hiện trong dự án mới để đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của các huyện mục tiêu và để bổ sung cho các chương trình khác nhau của dự án trong các vùng mục tiêu.
- Cơ cấu về thể chế và hành chính của một dự án mới.

Tài liệu dự thảo này được trình bày trong một hội thảo cấp tỉnh vào ngày 03/6/2005 để đi đến thống nhất ý kiến và hoàn chỉnh dự án để các cơ quan ban ngành của tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt. Trách nhiệm thực hiện các công việc tiếp theo sau khi đề xuất dự án được UBND Tỉnh phê duyệt sẽ thuộc về UBND Tỉnh và BQL Dự án Đa dạng sinh học Bắc Trường Sơn (khi dự án Bắc Trường Sơn kết thúc, BQL Dự án Bắc Trường Sơn sẽ chuyển thành Ban Xây dựng Dự án để tiếp tục các công việc tiếp theo sau khi đề xuất dự án được phê duyệt).

Tài liệu này là Phác thảo Dự án<sup>6</sup>, chưa hướng vào một nhà tài trợ cụ thể nào cả mà chỉ thể hiện một tuyên bố chung về ý định của các cơ quan ban ngành tỉnh Hà Tĩnh và bao gồm nhiều yếu tố khác nhau có thể được tiếp tục hoàn thiện nếu nhà tài trợ nào tỏ ra quan tâm.

Phác thảo dự án KHÔNG bao gồm một ngân sách chi tiết mặc dù tài liệu đã chỉ ra các hỗ trợ kỹ thuật và tổng chi phí ước tính cần phải có để thực hiện các hoạt động chính của dự án, có thể xem dự án như là một dự án với quy mô lớn hoặc là một dự án bao gồm nhiều hợp phần khác nhau và mỗi hợp phần có nguồn kinh phí riêng. Kinh phí chi tiết sẽ được bổ sung ở giai đoạn sau khi có nhà tài trợ quan tâm và muốn tiếp tục xây dựng chi tiết toàn bộ dự án hoặc từng hợp phần cụ thể của phác thảo này.

### 1.3.3 Phương pháp luận

Thông tin cơ sở được tổng hợp vào phác thảo dự án này được tư vấn thu thập trong quá trình xây dựng dự thảo tại liệu trong thời gian làm việc tại tỉnh Hà Tĩnh năm 2004, thông qua dự án BCHT. Hoạt động này bao gồm các chuyến đi thực địa tới các vùng xa xôi hẻo lánh, đánh giá các khó khăn và các vấn đề, đánh giá tài nguyên thiên nhiên của vùng dự án và trao đổi với nhiều bên tham gia của dự án mới.

Trong ba chuyến công tác để xây dựng dự thảo Phác thảo dự án, tư vấn cũng đã đến làm việc tại thị xã Hà Tĩnh và vùng dự án ở các huyện biên giới. Các cuộc họp được tổ chức với nhiều cơ quan liên quan để thảo luận các vấn đề và khó khăn, và cách hiệu quả nhất để các nhà tài trợ hỗ trợ giải quyết các vấn đề nêu ra của cộng đồng địa phương và các bên có liên quan chịu trách nhiệm bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Một hội thảo lập kế hoạch cấp tỉnh được tổ chức ở Hà Tĩnh ngày 03/6/2005 để báo cáo khung lôgic và các hoạt động dự thảo, cho phép sự tham gia đầy đủ của các bên tham gia trong việc thiết kế dự án. Kết quả của Hội thảo lập kế hoạch được xây dựng trong Phác thảo dự án.

Lưu ý về những vấn đề cốt lõi:

---

<sup>6</sup> Tài liệu này được soạn thảo bởi cán bộ Dự án BCHT phối hợp với tư vấn xây dựng dự án, Tiến sĩ Andrew Grieser Johns. Các ý kiến đóng góp từ tất cả các bên liên quan đã được tổng hợp vào bản chính thức trình UBND Tỉnh.

- Tác động môi trường. Dự án được thiết kế nhằm củng cố chất lượng môi trường của vùng dự án. Trong kế hoạch sẽ không có một công trình cơ sở hạ tầng nào ảnh hưởng đến môi trường.
- Vấn đề về giới. Cách tiếp cận thiên về người nghèo được thí điểm ưu tiên về phụ nữ. Sản xuất sản phẩm tại chỗ hiện nay được thu hái từ rừng (các sản phẩm phục vụ nhu cầu hàng ngày thường do phụ nữ thu hái) và hỗ trợ phát triển hộ kinh doanh cá thể (nhất là của phụ nữ) được thiết kế nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của phụ nữ ở những cộng đồng địa phương trong vùng dự án.

#### 1.4 Chiến lược thực thi dự án

Dự án sẽ do các cơ quan ban ngành của tỉnh phối hợp với các phòng ban trực thuộc, các LTQD, Ban quản lý VQG Vũ Quang và các bên tham gia khác thực hiện. UBND Tỉnh Hà Tĩnh chịu trách nhiệm phân công trách nhiệm và vai trò, điều phối các hoạt động của các bên tham gia và đảm bảo sự tham gia tích cực vào hoạt động của dự án. UBND Tỉnh cũng chịu trách nhiệm thành lập Ban quản lý dự án để thực hiện dự án.

Vai trò của dự án là thiết lập quản lý tài nguyên rừng bền vững thông qua việc khuyến khích các hoạt động sử dụng tài nguyên rừng bền vững của cộng đồng địa phương. Dự án không cho rằng chỉ riêng hoạt động này sẽ đạt được mục tiêu bảo tồn tài nguyên mà còn đảm bảo tạo ra mối liên kết chặt chẽ, thực hiện giám sát quản lý tài nguyên và thực thi pháp luật có hiệu quả trong hoạt động bảo vệ rừng và đa dạng sinh học. Hoạt động giám sát sẽ được thực hiện đa ngành để đảm bảo rằng có sự kiểm tra chéo về hiệu quả của từng cơ quan ban ngành.

Nói tóm lại, tính bền vững của các hoạt động của dự án chỉ có thể đạt được thông qua xây dựng năng lực của các cơ quan ban ngành cấp tỉnh cũng như các cơ quan thừa hành cấp huyện và xã. Hệ thống điều phối cũng sẽ được thiết lập và nâng cao năng lực sẽ được thực hiện từ tỉnh xuống huyện và cuối cùng là các xã mục tiêu. Các cơ quan ban ngành quan trọng nhất có liên quan là Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT và Chi cục Kiểm Lâm, hoạt động ở tất cả các cấp. UBND và các cơ quan Đảng ở tất cả các cấp cũng sẽ tham gia vào quá trình ra quyết định.

Hoạt động lập kế hoạch cũng sẽ được lồng ghép với các quá trình lập kế hoạch của các cơ quan ban ngành cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Các chỉ tiêu cụ thể của dự án và các hoạt động gắn liền chỉ tiêu sẽ được gắn liền với quá trình lập kế hoạch của tỉnh ở cấp vĩ mô để tránh mâu thuẫn với các chương trình phát triển trong vùng dự án.

Thực thi hoạt động dự án ở cấp thôn bản cũng sẽ được thực hiện thông qua người dân và các tổ chức như hội phụ nữ, hội nông dân. Những tổ chức này đã từng tham gia tích cực vào các dự án trước đó và hoạt động rất có hiệu quả ở cấp xã. Dự án sẽ đào tạo và hỗ trợ các cán bộ cốt cán nếu thấy cần thiết nhưng lực lượng chính thực thi dự án vẫn là cộng đồng địa phương. Trong khuôn khổ pháp luật của Chính phủ, cộng đồng địa phương sẽ quyết định phần lớn các cách thức hoạt động của dự án và chính họ sẽ xây dựng các hệ thống quản lý tài nguyên bền vững – các cơ quan ban ngành có vai trò hỗ trợ và giám sát.

Dự án đặc biệt chú trọng việc đa dạng hoá sản xuất dựa vào tài nguyên và sẽ phối hợp với các doanh nghiệp nhỏ xây dựng và phát triển các ý tưởng, các sáng kiến. Các doanh nghiệp sản xuất dựa vào tài nguyên không bền vững (ví dụ như kinh doanh chế biến gỗ không có nguồn gốc hợp pháp) sẽ được chuyển đổi hoạt động hoặc giảm dần các hoạt động này. Các hình thức hợp tác tư nhân – nhà nước sẽ được khuyến khích phát triển và các hoạt động đào tạo sẽ được thể chế hoá để thúc đẩy phát triển kinh tế dài hạn.

## 1.5 Vấn đề về tính bền vững

Phác thảo Dự án đã được xây dựng đặc biệt chú trọng đến tính bền vững. Dự án có xem xét năng lực hiện tại và năng lực trong tương lai của các tổ chức khác nhau tham gia dự án. Nhiều hoạt động và hỗ trợ kỹ thuật được lập kế hoạch sẽ bổ sung cho các chương trình hiện tại của Chính phủ và góp phần phát triển bền vững vùng dự án. Các hoạt động của Dự án và Chính phủ sẽ cùng đạt được kết quả bền vững, và đạt được mục đích của dự án.

Đây là một công việc khó khăn nhưng dự án có một nền tảng thuận lợi là được thực thi dựa trên kinh nghiệm của các dự án trước đó, xây dựng năng lực, thái độ tích cực và sự tham gia của cộng đồng địa phương tại vùng dự án. Dự án BCHT đã hoạt động có hiệu quả trên con đường đạt được mục tiêu phát triển và quản lý nguồn tài nguyên bền vững trước khi dự án kết thúc (dự án kết thúc trước thời hạn vì những lý do nội bộ của Chính phủ Hoàng gia Đan Mạch). Cộng đồng địa phương đã nhận thức rõ các hoạt động dự kiến là những hoạt động có hiệu quả, hữu ích và các hoạt động phát triển sẽ nhanh chóng được duy trì. Các bộ ngành của Chính phủ ủng hộ cách tiếp cận của dự án và việc phát triển hơn nữa các phương pháp thí điểm hiện nay và mở rộng sang tất cả các huyện dọc theo biên giới quốc tế.

Cộng đồng nông thôn hầu hết là người Kinh có trình độ học vấn cao hơn và có điều kiện thuận lợi hơn để tiếp cận các chương trình và nguồn lực của Chính phủ so với các vùng sâu vùng xa khác (một cộng đồng dân tộc thiểu số gồm 20 hộ ở huyện Vũ Quang cũng đã được xen ghép với các hộ người Kinh). Năng lực phát triển nguồn nhân lực tại các cộng đồng và các tổ chức đoàn thể đang có hiệu quả cao, và các chương trình đào tạo đã được các sự án trước đó thực hiện sẽ tiếp tục mở rộng và củng cố mục tiêu phát triển bền vững và nhất là quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững. Dự kiến, phát triển năng lực có thể đạt đến mức độ mà nhờ đó các hoạt động của dự án sẽ được hiểu và đánh giá đầy đủ và vẫn tiếp tục được thực hiện sau khi dự án đóng cửa.

Các loại hoạt động được đưa vào dự án căn cứ vào các điều kiện đang nổi lên ở vùng dự án, động lực hiện tại đối với phát triển bền vững và mong muốn của tất cả các bên tham gia. Quản lý tài nguyên bền vững sẽ tập trung vào các loài và hệ sinh thái tự nhiên và không đưa vào các loài ngoại lai. Các vấn đề về môi trường và hỗ trợ giảm khai thác trái phép các loài động vật và thực vật hoang dã sẽ được đưa vào tất cả các khía cạnh trong thiết kế và thực thi dự án và sẽ được củng cố một cách mạnh mẽ. Mục đích là để hỗ trợ cộng đồng địa phương và các bên tham gia quản lý và củng cố cảnh quan sinh thái của mình và kết quả là cải thiện chất lượng cuộc sống, ổn định môi trường và phát triển thịnh vượng.

Về vấn đề môi trường chính sách, tỉnh Hà Tĩnh đi tiên phong trong các chương trình hiện nay của Chính phủ hướng tới phát triển bền vững hơn nữa và nâng cao chất lượng cuộc sống. Ví dụ, Tỉnh đã có những biện pháp cụ thể để tăng cường tuân thủ luật pháp liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã và giảm buôn bán trái phép động vật hoang dã. Các cơ quan ban ngành liên quan của tỉnh cũng hoàn toàn ủng hộ các hoạt động của Phác thảo Dự án và sẽ phân công cán bộ và phân bổ các điều kiện vật chất cần thiết cho việc thực thi dự án và tiếp tục các hoạt động phát triển bền vững và quản lý môi trường sau khi dự án kết thúc.

## 1.6 Các điều kiện và quy chuẩn

### 1.6.1 Trước khi thực hiện dự án

- Chính phủ tiếp tục cam kết thực hiện các ưu tiên xoá đói giảm nghèo cho cộng đồng dân cư nghèo ở khu vực nông thôn và phát triển và bảo tồn rừng.



- Các cơ quan ban ngành cấp tỉnh sẽ có cam kết mạnh mẽ, thành lập Ban xây dựng dự án (trong thời gian giữa giai đoạn kết thúc dự án BCHT và giai đoạn khởi động dự án) và cung cấp cán bộ và cơ sở vật chất thực thi dự án.
- Các cán bộ năng động, nhiệt tình ở cấp tỉnh và huyện được phân công thực hiện dự án.
- Các cơ quan ban ngành cấp tỉnh cam kết mạnh mẽ hỗ trợ tài chính và nhân sự đảm bảo tính bền vững của các hoạt động dự án sau khi dự án kết thúc. Cụ thể, các cơ quan ban ngành của tỉnh cam kết tăng ngân sách cho hoạt động quản lý của VQG Vũ Quang, hỗ trợ tài chính để thực hiện chương trình 661 ở các huyện mục tiêu, hỗ trợ tài chính cho việc thực hiện cam kết đã được ký kết về giảm buôn bán động vật hoang dã qua địa bàn tỉnh, và phân cấp quản lý và các biện pháp cần thiết cho việc cấp chứng chỉ cho các sản phẩm của các Lâm trường quốc doanh (theo Kế hoạch hành động cấp chứng chỉ được xây dựng cuối năm 2005).

#### *1.6.2 Các điều kiện trong quá trình thực hiện dự án*

Các điều kiện chi tiết sẽ được xây dựng trong giai đoạn Thực thi dự án liên quan đến việc đạt được các điều kiện nêu trên và các can thiệp cụ thể cần thiết để tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ cho các hoạt động của dự án. Những điều kiện này sẽ được đánh giá và cập nhật hàng năm và sẽ được các nhà tài trợ sử dụng để kiểm soát việc giải ngân của dự án cấp vĩ mô và vi mô.

## 2. GIỚI THIỆU

### 2.1 Vùng dự án

Tỉnh Hà Tĩnh nằm ở bắc miền Trung, cách Hà Nội 350 km. Phía bắc giáp tỉnh Nghệ An, phía nam giáp tỉnh Quảng Bình và phía tây có đường biên giới quốc tế với Lào. Có 11 đơn vị hành chính ở Hà Tĩnh: 9 huyện và hai thị xã (thị xã Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh).

Vùng dự án nằm ở phía tây của tỉnh giáp với biên giới quốc tế. Vùng này bao gồm chân và dãy núi bắc Trường Sơn, và bao gồm phần lớn diện tích rừng nguyên sinh của tỉnh. Dãy núi mở rộng ra ba huyện, Hương Sơn ở phía bắc, Vũ Quang (được thành lập năm 2002) ở phần giữa và Hương Khê ở phía nam. Các số liệu thống kê về ba các huyện này được trình bày ở Bảng 2.1.

**Bảng 2.1** Số liệu thống kê ở vùng dự án

<i>Hạng mục</i>	<i>Huyện Hương Sơn</i>	<i>Huyện Vũ Quang</i>	<i>Huyện Hương Khê</i>
<b>Số liệu thống kê đất rừng (cuối 2004)</b>			
Tổng diện tích rừng (ha)	86,662	53,184	96,424
Diện tích rừng do LTQD/Ban QL rừng quản lý (ha)	61,288	41,103	93,339
Diện tích rừng do các hộ quản lý (ha)	25,374	12,082	3,024
<b>Đất nông nghiệp</b>			
Đất nông nghiệp được giao (ha)	9,532	3,000	9,561
<b>Dân số và nghèo đói</b>			
Số hộ gia đình	15,000	?	?
Tỷ lệ phần trăm các hộ ở mức nghèo	42.5 (2003)	54.1 (2001)	51.9 (2003)
Số liệu ước tính các hộ phụ thuộc vào rừng	3,000	?	?

Trước hết dự án sẽ triển khai ở huyện Hương Sơn, huyện này có mức độ nhận thức cao nhất về các mục tiêu của dự án do trước đây đã triển khai dự án Đa dạng sinh học Bắc Trường Sơn (BCHT) và ở Vũ Quang, có tỷ lệ phần trăm diện tích rừng cao nhất và một số mâu thuẫn nghiêm trọng nhất giữa người dân và công tác quản lý môi trường bền vững. Hoạt động của dự án sẽ mở rộng sang huyện Hương Khê vào giai đoạn giữa, sau khi đã thực hiện thành công các hoạt động dự án ở hai huyện đầu tiên.<sup>7</sup>

Trong giai đoạn Khởi động Dự án, dự án sẽ xác định các xã mục tiêu ở huyện Hương Sơn và Vũ Quang. Có thể là các xã: Sơn Hồng, Sơn Lĩnh, Sơn Tây, Tây Sơn, Sơn Kim I và Sơn Kim II thuộc huyện Hương Sơn với khoảng 5.150 hộ, xã Vũ Quang, Hương Diên, Hương Đại và Hương Minh thuộc huyện Vũ Quang với khoảng 1.570 hộ. Các xã mục tiêu sẽ được xác định sau. Tiêu chí để trở thành xã mục tiêu của vùng dự án: tỷ lệ phần trăm của rừng tự nhiên, mức độ nghèo đói và số hộ gia đình phụ thuộc vào rừng.

<sup>7</sup> Đề nghị của UBND huyện Hương Khê là các hoạt động sẽ được triển khai ở cả ba huyện từ khi bắt đầu dự án được đã được lưu ý. Điều này có thể không hiện thực, nhưng có thể được thảo luận thêm trong giai đoạn Khởi động dự án.

## 2.2 Giá trị rừng và đa dạng sinh học

Vùng dự án nằm ở dãy núi Bắc Trường Sơn, được xem như là khu vực sinh thái có tầm quan trọng đặc biệt về đa dạng sinh học theo đánh giá của WWF, Birdlife và các tổ chức bảo tồn. Vùng dự án rất khác biệt với các vùng trồng lúa nước của đồng bằng ven biển, đặc trưng bởi các dãy núi cao và dốc lên đến độ cao trên 2000 m so với mực nước biển. Nhiều khu vực được che phủ bởi các khu rừng nhiệt đới thường xanh dày đặc, có nhiều thành phần loài khác nhau, có các loại rừng núi cao và núi thấp ở các độ cao hơn trong đó có rừng lá kim thường xanh hỗn giao ở một số khu vực. Tuy nhiên, ngoài khu vực rất hẻo lánh và dốc dọc theo biên giới với Lào, nhiều khu rừng đã bị tác động nặng nề do hoạt động khai thác sản phẩm rừng trái phép.

Khu động thực vật của vùng dự án đã được điều tra kỹ trong thập kỷ qua và khu vực này được biết là có tính đa dạng sinh học rất cao. Các khu rừng trong vùng dự án được xem là nơi trú ngụ của quần thể của ít nhất năm loài đặc hữu: saola *Pseudoryx nghetinhensis*, mang lớn *Megamuntiacus vuquangensis*, mang Trường Sơn *Muntiacus truongsonensis*, Thỏ vằn *Nesolagus timminsii* và công Việt Nam *Lophura hatinhensis*. Các đợt điều tra do CRES thực hiện năm 2004, chỉ riêng ở huyện Hương Sơn đã ghi lại được 87 loài bị đe dọa có trong Sách đỏ của Việt Nam (trong đó có 19 loài được coi là nguy cấp)<sup>8</sup>. Phần lớn các loài bị đe dọa đang bị đe dọa nghiêm trọng do hoạt động săn bắt và bẫy bắt.

---

<sup>8</sup> CRES. (2004). Dự thảo báo cáo: Nghiên cứu bảo tồn đa dạng sinh học ở dãy núi Bắc Trường Sơn (huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh). CRES, Hà Nội.

### **3. MỤC TIÊU**

#### **3.1 Mục tiêu tổng thể (mục tiêu)**

Mục tiêu của dự án là góp phần hài hoà đời sống của cộng đồng với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên ở dãy núi Bắc Trường Sơn.

#### **3.2 Mục đích của dự án**

Mục đích của dự án là thiết lập các điều kiện, nhờ đó các cộng đồng địa phương ở các huyện Hương Sơn, Vũ Quang và Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh có cơ hội cải thiện đời sống phù hợp với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và kết hợp quản lý rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

#### **3.3 Các kết quả chính**

Các kết quả mong đợi của dự án như sau:

1. Hệ thống được thiết lập, các tổ chức, nguồn nhân lực được phát triển hơn nữa
2. Các cách tiếp cận phát triển nhằm xoá đói giảm nghèo được thí điểm, tập trung vào nâng cao đời sống cộng đồng thông qua các cơ hội canh tác lâm nghiệp, các lâm sản phi gỗ và bảo tồn.
3. Quản lý rừng cấp sinh cảnh được triển khai nhằm gắn kết các cách tiếp cận bảo vệ rừng, bảo tồn và sản xuất.
  - a. Tăng cường công tác quản lý rừng dựa vào cộng
  - b. Xác nhận sản phẩm lâm nghiệp/Cấp chứng chỉ rừng sản xuất cấp lâm trường và cấp hộ.
  - c. Lập kế hoạch quản lý rừng tổng hợp nhằm góp phần thiết lập hành lang rừng quốc gia và liên quốc gia ở dãy núi Bắc Trường Sơn.

## 4. MÔ TẢ DỰ ÁN

### 4.1 Phác thảo

Dự án sẽ hỗ trợ các hoạt động ở Tỉnh Hà Tĩnh, một phần dãy núi Bắc Trường Sơn. Dự án trước hết sẽ tập trung vào hai huyện vùng biên giới, Hương Sơn và Vũ Quang. Huyện vùng biên giới thứ 3, Hương Khê, sẽ được bổ sung vào dự án nếu các hoạt động dự án ở hai huyện kia có tiến triển nhanh và tốt, nhằm mục đích tiêu chuẩn hoá các cách tiếp cận phát triển thông qua 145 km vùng cao có rừng che phủ dọc theo biên giới quốc tế.

Dự án được xây dựng nên từ kinh nghiệm của Dự án bảo tồn Đa dạng sinh học ở huyện Hương Sơn do DANIDA tài trợ (kết thúc vào tháng 12 năm 2005) và dự án HRDP do IFAD tài trợ đang hoạt động tại 137 xã nghèo của tỉnh (kết thúc tháng 10 năm 2005). Dự án có sự bổ sung của các dự án đã được thực hiện ở phía bắc Nghệ An (dự án SFNC do EC tài trợ, kết thúc năm 2004), ở phía nam (dự án Bảo tồn kết hợp phát triển Phong Nha - Kẻ Bàng do KfW tài trợ, dự kiến bắt đầu năm 2005 – 2006) và ngang qua biên giới quốc tế (Dự án quản lý Khu bảo tồn đa dạng sinh học Nakai-NamTheun dự kiến bắt đầu năm 2005). Dự án sẽ tăng cường công tác quản lý tổng hợp khu rừng Bắc Trường Sơn trên phạm vi quốc gia và xuyên quốc gia và dân cư vùng giáp ranh.

Mục tiêu của dự án là hài hoà việc cải thiện chất lượng cuộc sống của các cộng đồng dân cư nông thôn nghèo với việc tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên. Tuy nhiên, dự án được xây dựng dựa trên nhận định rằng chỉ riêng xoá đói giảm nghèo không thể giảm suy thoái tài nguyên<sup>9</sup>, và rằng cần phải tăng cường các biện pháp quản lý. Kinh nghiệm từ cách tiếp cận dự án tương tự ở Việt nam và những nơi khác cho thấy rằng cải thiện đời sống của cộng đồng nông thôn, giáo dục môi trường và nâng cao nhận thức không có ảnh hưởng đến buôn bán mang tính thương mại lâm sản, được coi là nguyên nhân chính của suy kiệt tài nguyên và do lực lượng bên ngoài điều khiển (v.d không liên quan trực tiếp đến nghèo đói ở nông thôn).

Mục tiêu của dự án phù hợp với các chính sách của Chính phủ về giảm nghèo (CPRGS), phát triển bền vững (v.d Quyết định 153) và thực hiện Chương trình nghị sự 21 (liên quan cụ thể đến việc thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường đối với sản xuất bền vững hàng hoá). Nó hướng tới mục tiêu cụ thể là tạo lập mối liên kết có hiệu quả giữa phát triển và bảo tồn, tạo môi trường thuận lợi cho việc tăng cường công tác quản lý nguồn tài nguyên và không đi theo giả định rằng giải quyết nghèo đói thôi sẽ không giải quyết được vấn đề suy thoái tài nguyên.

Với nhận thức về tầm quan trọng của việc thay đổi để tạo ra môi trường thuận lợi nhằm đạt được các mục tiêu liên quan đến bảo tồn, dự án cần phải có các điều kiện cần hoặc quy chuẩn cần phải được thực hiện bởi các nhà các cơ quan ban ngành liên quan cấp tỉnh. Tất cả các điều kiện hoặc quy chuẩn này phải phù hợp với các chính sách của Nhà nước về tăng cường công tác bảo vệ rừng và tính bền vững của phát triển ở khu vực vùng cao<sup>10</sup>, bao gồm cung cấp tài chính cho các chương trình của Chính phủ đã được đề<sup>11</sup>. Như vậy, dự án sẽ góp phần thực hiện các chương trình nghị sự của Chính phủ trong phạm vi của tỉnh cũng như đạt được mục tiêu cải thiện đời sống và quản lý môi trường một cách bền vững ở cấp cơ sở.

<sup>9</sup> Một giả thiết phổ biến nhưng không hiện thực được rằng xoá đói giảm nghèo (phát triển) có ảnh hưởng trực tiếp đến giảm áp lực vào tài nguyên thiên nhiên (bảo tồn).

<sup>10</sup> V.d. Các Chỉ thị 12/2003, 1021/2004 của chính phủ, và Quyết định 153/2003.

<sup>11</sup> Sở Kế hoạch và đầu tư đảm bảo phân bổ đủ ngân sách để thực hiện các chính sách của Chính phủ, như việc thực hiện Chỉ thị 12/2003, may be written off as như phần đóng góp của Chính phủ cho dự án.

Các can thiệp của dự án sẽ được thực hiện thông qua các cơ quan chủ quản ở cấp tỉnh và cấp huyện và tập trung vào xây dựng năng lực và hỗ trợ trực tiếp cho các sáng kiến của cộng đồng (và trong một số trường hợp cho các doanh nghiệp) do các bên hưởng lợi thực hiện.

Dự án có mục đích đạt được ảnh hưởng bền vững về các lĩnh vực kinh tế, môi trường, xã hội, thể chế và chính trị. Tính bền vững về kinh tế và xã hội có thể đạt được thông qua phát triển nâng cao đời sống và đảm bảo thị trường dài hạn (v.d các lâm sản được cấp chứng chỉ). Tính bền vững về môi trường (bao gồm cả nguồn tài nguyên nước, độ che phủ rừng và các loài động thực vật hoang dã) có thể đạt được nếu độ che phủ rừng tại các khu đầu nguồn được bảo vệ và duy trì và tính toàn vẹn của hệ sinh thái được bảo vệ thông qua các biện pháp bảo vệ động vật hoang dã. Tính bền vững về thể chế sẽ đạt được nếu các cơ quan liên quan được cấp ngân sách đủ để thực hiện chức năng của họ và khu vực tư nhân vẫn sẽ có lợi trong sự bền vững môi trường. Sự bền vững về mặt chính sẽ có được nếu tất cả các mục tiêu trên đều đạt được và tiếp tục được các chính sách của Chính phủ hỗ trợ.

## 4.2 Các hoạt động

Dự án được chia thành ba hợp phần hướng tới kết quả, mỗi hợp phần có các hoạt động tương ứng. Hợp phần ba được chia thành ba hợp phần nhỏ hơn gắn bó chặt chẽ với nhau.

### 4.2.1 Các hệ thống được thiết lập, các thể chế và nguồn nhân lực được phát triển hơn nữa.

Hợp phần này được thiết kế để xác lập các hệ thống cần thiết và tạo ra khuôn khổ thuận lợi cần thiết để đạt được các mục tiêu của dự án. Các hệ thống này bao gồm công tác điều phối cấp quốc gia, tỉnh và xã. Các kỹ năng lập kế hoạch, kỹ thuật và quản lý sẽ được phát triển để hỗ trợ cho việc lập kế hoạch và ngân sách hàng kịp thời và có chất lượng, dự đoán và giải quyết các vấn đề thực thi một cách nhanh chóng và tiến hành điều chỉnh căn cứ vào tiến độ và phản hồi của dự án. Hợp phần này sẽ bao gồm cấp kinh phí cho các chi phí hoạt động tác nghiệp, cán bộ hợp đồng, hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến công tác quản lý dự án, đào tạo và hội thảo, cải tạo nâng cấp văn phòng dự án nếu cần thiết, trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, xe cộ của dự án v.v.

Các sáng kiến xoá đói giảm nghèo và quản lý rừng chủ yếu được thực hiện ở cấp xã và đào tạo và nâng cao năng lực sẽ tập trung ở đây. Tuy nhiên, xây dựng năng lực của các cơ quan trong ngành ở cấp huyện và trong một số trường hợp ở cấp tỉnh cũng rất cần thiết và sẽ được hỗ trợ. Một vấn đề quan trọng nữa là phản hồi kinh nghiệm lên trung ương để thiết lập một sự liên hệ giữa thực hiện tại hiện trường và xây dựng chính sách.

#### ▪ Hoạt động 1.1 Thiết lập tổ chức dự án và mạng lưới điều phối

Ban quản lý dự án sẽ được thiết lập ở thị xã Hà Tĩnh. Cán bộ kỹ thuật của dự án sẽ được tuyển dụng ở cấp trung ương mặc dù các ứng cử viên từ Hà Tĩnh sẽ được ưu tiên. Mạng lưới tổ chức và điều phối sẽ tuân thủ các quy định của Chính phủ Việt Nam đối với các dự án ODA. Mạng lưới điều phối có sự tham gia sẽ mở rộng từ tỉnh xuống thôn bản (theo mạng lưới đã được Dự án BCHT thiết lập ở huyện Hương Sơn).

#### ▪ Hoạt động 1.2 Tổng hợp thông tin về đất, tài nguyên và tình hình kinh tế xã hội trong vùng dự án và xác định các số liệu cần bổ sung

Phần lớn loại số liệu này đã được tổng hợp trong các số liệu thống kê của Chính phủ. Những số liệu này có thể sử dụng và không cần phải thu thập thông tin trên quy mô lớn.

Tuy nhiên, các số liệu này có thể chưa trùng khớp, nhất là liên quan đến độ che phủ rừng, tài nguyên, thường được tổng hợp theo phương pháp rất khó để đưa ra những đánh giá khách quan (v.d phân loại đất dựa trên độ dốc, hoặc phân loại rừng dựa trên đánh giá về giá trị kinh tế hơn là độ che phủ hoặc phân loại thảm thực vật).

- Hoạt động 1.3 Tiến hành các nghiên cứu bổ sung về đa dạng sinh học, sử dụng đất và tài nguyên (trong đó có buôn bán gỗ và động vật hoang dã trái phép), tình hình kinh tế xã hội, v.v để bổ sung số liệu cơ bản hiện có.

Thông tin điều tra đa dạng sinh học sơ bộ hiện có tại Dự án Bảo tồn Đa dạng sinh học (BCHT) ở huyện Hương Sơn. Một số thông tin hiện cũng có tại VQG Vũ Quang, là kết quả của một dự án bảo tồn được thực hiện trong giai đoạn 1995 – 2000 (mặc dù số liệu này có thể cần phải được cập nhật). Thông tin bổ sung sẽ cần phải được thu thập từ huyện Hương Khê khi dự án mở rộng vào khu vực này.

Mặc dù số liệu thống kê kinh tế xã hội cơ bản đã có (như đã đề cập ở trên), việc phân chia thu nhập của các hộ thành nguồn thu nhập hợp pháp và bất hợp pháp không rõ ràng và sẽ cần phải làm sáng tỏ để lựa chọn các xã và các hộ gia đình cần được hỗ trợ nhất. Các nghiên cứu cụ thể sẽ được thực hiện ở giai đoạn đầu của dự án để tài liệu hoá buôn bán gỗ và động vật hoang dã trái phép (cả săn bắt và bẫy bắt trong vùng dự án và buôn bán liên tỉnh từ các tỉnh khác và Lào).<sup>12</sup> Kết quả của những nghiên cứu này sẽ không chỉ là cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của dự án mà còn là căn cứ để quyết định các điều kiện và quy chuẩn của dự án cần được áp dụng ở cấp vi mô và vĩ mô nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu của dự án (xem phần 2.3). Kinh nghiệm thực hiện dự án Bảo tồn đa dạng sinh học (BCHT) cho thấy cần phải giải quyết hoạt động buôn bán trái phép và mang mục đích thương mại nếu muốn duy trì tính toàn vẹn của rừng và môi trường (chưa kể đến việc đảm bảo chức năng giữ nước của rừng để giảm thiểu thiên tai như trận lụt tháng 9 năm 2002) và vì vậy cần phải có ưu tiên thích đáng cho vấn đề này.

- Hoạt động 1.4 Nâng cao năng lực nghiên cứu và xử lý số liệu, và tăng cường công tác truy cập thông tin cho các sở ban ngành liên quan và các cộng đồng địa phương.

Sẽ tiến hành thảo luận và thông qua việc thu thập số liệu, nhu cầu xử lý và trao đổi thông tin trong công tác bảo tồn môi trường và phát triển bền vững. Kết quả là sẽ thiết lập được một hệ thống cơ sở dữ liệu và các hệ thống quản lý thông tin (thư viện tài liệu, website, v.v). Nếu cần thiết sẽ thiết lập hệ thống đánh giá độ che phủ đất cho tỉnh (GIS): năng lực sử dụng GIS đã được thiết lập tại Sở Kế hoạch và đầu tư thông qua dự án trước đó do GTZ tài trợ<sup>13</sup>. Cung cấp đào tạo và các phương tiện để xử lý số liệu nếu cần thiết.

Chương trình nâng cao nhận thức môi trường trước đây đã được dự án BCHT thiết lập và một số nội dung cũng đã được đưa vào dự án HRDP (IFAD). Mặc dù, dự kiến dự án sẽ không cần phải thực hiện một chương trình nâng cao nhận thức tương tự vì các can thiệp của các dự án trước đây được thiết kế đảm bảo tính bền vững trong mạng lưới của tỉnh sau khi các dự án đó kết thúc, dự án sẽ tiếp tục sử dụng mạng lưới truyền thông ở cấp thôn bản đã được các dự án trước đây thiết lập.

<sup>12</sup> Phương pháp của các nghiên cứu này đã được xây dựng và triển khai ở các tỉnh lân cận Nghệ An và Quảng Bình trong giai đoạn 1999-2004.

<sup>13</sup> Các yêu cầu cần thiết phát triển năng lực sử dụng GIS tại Chi cục Kiểm Lâm, liên quan cụ thể đến công tác lập bản đồ và số hoá bản đồ độ che phủ rừng sẽ được đánh giá trong giai đoạn đầu triển khai dự án.

- Hoạt động 1.5 Hỗ trợ các bên liên quan trong trao đổi thông tin và giám sát hoạt động và ảnh hưởng của sử dụng tài nguyên.

Các cơ quan trong ngành ở cấp tỉnh, huyện và xã sẽ được hỗ trợ để tổ chức các hội thảo và họp với các bên tham gia để thông qua và cập nhật các kế hoạch sử dụng tài nguyên và kế hoạch hoạt động của cộng đồng. Một hệ thống sẽ được thiết lập để giám sát việc thực thi các kế hoạch cộng đồng trong khuôn khổ Hệ thống thông tin quản lý (MIS) tổng thể của dự án, bao gồm tự đánh giá của các cộng đồng và đánh giá độc lập của các cơ quan trong ngành. Hệ thống thông tin quản lý (MIS) có thể được mở rộng và thể chế hoá một phần trong hệ thống giám sát môi trường của tỉnh hiện nay, đặt tài Sản Tài nguyên và Môi trường, sẽ được hỗ trợ để phát triển năng lực cần thiết giám sát dài hạn quản lý dựa vào cộng đồng.

- Hoạt động 1.6 Lập kế hoạch, giám sát và đánh giá hoạt động dự án, thực thi các kế hoạch quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên và ảnh hưởng của dự án.

Hệ thống thông tin quản lý (MIS) cần phải đi vào hoạt động để hỗ trợ cho công tác quản lý dự án trong việc thu thập thông tin cần thiết cho công tác lập kế hoạch, giám sát và đánh giá các hoạt động của dự án. Hệ thống thông tin quản lý (MIS) cần phải có khả năng để theo dõi tiến độ và hoạt động thực thi dự án về mặt kỹ thuật và tài chính ở cấp tỉnh, huyện và xã bao gồm đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch so với thực tế (số lượng đề ra trong kế hoạch, vị trí, chất lượng và thời hạn, v.v). Một hệ thống phù hợp đã được xây dựng cho các dự án ODA sẽ được áp dụng cho mục đích này.

Ảnh hưởng của dự án và việc đạt được kết quả của dự án sẽ được tài liệu hoá và được đánh giá thông qua một hệ thống giám sát và đánh giá (M&E) kết nối số liệu thông tin cơ bản và kết quả của các nghiên cứu như đã đề cập trong các phần trước. Một hệ thống sẽ được thiết lập để phân tích và phản hồi thông tin thu thập được để tài liệu hoá thành công của việc thực thi dự án và sẽ bao gồm các mục tiêu và quy chuẩn cụ thể để đánh giá dự án và sẽ bao gồm các mục tiêu và quy chuẩn cụ thể để đánh giá tiến độ dự án.

- Hoạt động 1.7 Xác định vai trò và trách nhiệm của các bên tham gia trong các hoạt động sử dụng tài nguyên và bảo tồn.

Vai trò và trách nhiệm của chính quyền tỉnh và xã và cộng đồng địa phương nói chung trong quản lý nguồn tài nguyên và phát triển bền vững đang thay đổi và phát triển phù hợp với chính sách phân cấp quản lý của Chính phủ. Các tổ chức tham gia chính ở vùng dự án cần phải được xác định, và vai trò của họ, trách nhiệm và mối quan hệ phổ hợp được xác định. Vấn đề vai trò và trách nhiệm của các bên tham gia hết sức quan trọng vì các hoạt động sử dụng tài nguyên và bảo tồn thường bị cản trở bởi mâu thuẫn về lợi ích sự hợp tác lỏng lẻo giữa các nhóm tham gia. Một phân tích về các bên tham gia sẽ được thực hiện vào giai đoạn đầu của dự án và sau đó sẽ được định kỳ cập nhật.

- Hoạt động 1.8 Phân tích năng lực quản lý và nhu cầu đào tạo của các cơ quan hành chính địa phương các cơ quan trong ngành và các nhóm tham gia.

Vào giai đoạn đầu của dự án, cần phải sử dụng tư vấn trung ương tiến hành đánh giá nhu cầu đào tạo. Chức năng hoạt động ở tất cả các cấp sẽ được làm rõ trong quá trình đánh giá và đào tạo sẽ được điều chỉnh phù hợp với chức năng hoạt động và không trùng lặp. Sau đó cần phải đánh giá khách quan năng lực thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến dự án, với quan điểm xác định những điều kiện bổ sung hoặc quy chuẩn



tuyển dụng cán bộ cho các cơ quan trong ngành để có thể đảm nhận các chức năng cần thiết trong và sau khi dự án kết thúc.

▪ Hoạt động 1.9 Xây dựng kế hoạch đào tạo và nâng cao năng lực và thực hiện nó

Đánh giá nhu cầu đào tạo và các đánh giá nêu trên sẽ được sử dụng để xây dựng kế hoạch đào tạo năm thứ nhất. Kế hoạch đào tạo sẽ được đưa vào Kế hoạch hoạt động năm thứ nhất. Sau đó hàng năm Kế hoạch đào tạo sẽ được đánh giá lại.

Chương trình đào tạo ưu tiên dự kiến bao gồm nâng cao năng lực bảo vệ rừng thông qua đào tạo lực lượng liên ngành (trong đó có cán bộ hải quan và bộ đội biên phòng liên quan đến vấn đề buôn bán lâm sản qua biên giới), đào tạo nâng cao cho cán bộ VQG Vũ Quang về quản lý bảo vệ rừng và giám sát các Hương ước đa mục đích, đào tạo bổ sung về thu hái lâm sản phi gỗ và các biện pháp giám sát (trên cơ sở các hoạt động của dự án Bảo tồn đa dạng sinh học trước đây) và các chương trình đào tạo đầu bờ được lựa chọn, đặc biệt tập trung nâng cao tiến các hoạt động lâm nghiệp, nông lâm kết hợp vùng cao sử dụng mô hình đã được dự án SFNC xây dựng ở tỉnh Nghệ An.

▪ Hoạt động 1.10 Điều phối các hoạt động dự án gắn liền với Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài nguyên và môi trường và các tổ chức khác và phản hồi các bài học kinh nghiệm ở cấp quốc gia

Kinh nghiệm của các dự án đang hoạt động trong cùng lĩnh vực kỹ thuật cần được chia sẻ thông qua trao đổi thông tin được tổ chức thông qua các bộ ngành như Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài nguyên và MT. Dự án sẽ điều phối và cung cấp nội dung trong các Hội thảo quốc gia và phân tích hiệu quả thực hiện tại cấp hiện trường.

Ngoài ra cần phải tạo sự liên hệ giữa kinh nghiệm thực hiện tại hiện trường và việc xây dựng chính sách quốc gia. Cho đến nay, có một sự thiếu hụt đáng kể trong việc tổng kết các kết quả và khuyến nghị từ tất cả các dự án (và từ các đánh giá liên bộ về hiệu quả sử dụng nguồn vốn ODA vào quá trình xây dựng chính sách và pháp luật vì điều này trước hết sẽ giúp nâng cao hiệu quả thực hiện các biện pháp bảo tồn và bảo vệ môi trường và thứ hai là sẽ tạo môi trường thuận lợi để các biện pháp này sẽ phát huy tác dụng. Dự án sẽ phản hồi các kết quả từ hiện trường lên các nhóm và tổ chức tài trợ phối hợp như UNDP, tổ chức này hiện nay đang trực tiếp làm việc với Chính phủ để sửa đổi chính sách môi trường.

*4.2.2 Các cách tiếp cận phát triển nhằm xóa đói giảm nghèo thí điểm, tập trung vào nâng cao đời sống cộng đồng thông qua các cơ hội canh tác lâm nghiệp, các sản phẩm phi gỗ và bảo tồn*

Các hoạt động của hợp phần này sẽ sử dụng mạng lưới thông tin, tuyên truyền và cơ hội đào tạo được thiết lập ở Hợp phần 1 để khuyến khích các cộng đồng địa phương nắm bắt các cơ hội mới và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và vật chất cho họ để thực hiện. Các cách tiếp cận phát triển sẽ tập trung vào sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững và đổi mới ở vùng cao, trong đó có phát triển sản xuất tại chỗ và liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và các công cụ phát triển thị trường/tiếp thị sản phẩm.

▪ Hoạt động 2.1 Xác định các thế mạnh và yếu của các hoạt động kinh tế cộng đồng tại cộng đồng địa phương.

Thống kê kinh tế xã hội, cùng với các số liệu phân loại và nghiên cứu buôn bán, sẽ được sử dụng để xác định các hoạt động tạo thu nhập chính và năng lực quản lý của

cộng đồng địa phương. Kết quả kinh tế của hoạt động nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi), nghề rừng và các nghề khác sẽ được đánh giá về khả năng mở rộng phát triển theo các chương trình của chính phủ hoặc các nhà tài trợ khác hoặc thông qua hỗ trợ của dự án. Việc tiếp cận của các cộng đồng địa phương đối với các dịch vụ tín dụng của Chính phủ hoặc các dự án trước đây và hiệu quả của việc sử dụng các dịch vụ này sẽ được đánh giá. Những hoạt động này sẽ được tiến hành trong Giai đoạn khởi động.

- Hoạt động 2.2. Đánh giá sự thành công và kinh nghiệm của các chương trình trước đó của Chính phủ và các dự án tài trợ trước đó ở vùng dự án

Có một số dự án đã được thực hiện tại khu vực (đáng chú ý là dự án Bảo tồn Đa dạng sinh học Bắc Trường Sơn (BCHT) và IFAD) và nhiều dự án đang được triển khai. Dự án hiện nay CBRIP có một hoạt động nâng cao nhận thức nhưng không có dự án nào đang triển khai tập trung vào quản lý tài nguyên thiên nhiên. Kinh nghiệm của những dự án này liên quan đến mục tiêu của dự án hiện tại sẽ được đánh giá trong Giai đoạn Khởi động như là một tài liệu hướng dẫn cho quá trình lập kế hoạch.

- Hoạt động 2.3 Xác định nguồn lực tài chính hiện có và cơ chế tài chính cho các hoạt động phát triển của cộng đồng địa phương.

Cần tiến hành các nghiên cứu sơ bộ về nguồn lực tài chính hiện có và cơ chế tài chính cho các hoạt động phát triển trong vùng dự án (trong đó có chương trình 661, chương trình hỗ trợ nông nghiệp của Chính phủ, Dự án đầu tư của Vườn quốc gia Vũ Quang, Dự án đầu tư phát triển du lịch của Tỉnh, hỗ trợ của các dự án đang được triển khai: dự án CBRIP và MPRP<sup>14</sup>). Những nghiên cứu này cũng sẽ được tiến hành vào cuối giai đoạn khởi động vì những nghiên cứu này sẽ làm cơ sở xác định sự thiếu hụt về ngân sách cản trở việc nắm bắt các cơ hội của cộng đồng địa phương. Hoạt động này sẽ hỗ trợ xây dựng kế hoạch hoạt động năm thứ nhất của dự án cho hợp phần này và cũng để tránh sự chòng chẹo với các chương trình của Chính phủ hoặc các nhà tài trợ khác.

- Hoạt động 2.4 Phát triển và hỗ trợ xây dựng mới và nâng cấp các công cụ tài chính, dựa vào nguồn lực của Chính phủ và các quỹ tín dụng hiện có.

Căn cứ vào sự thiếu hụt về ngân sách đã được xác định liên quan đến các cơ hội tăng cường quản lý nguồn lực, các điều kiện cần thiết để gia hạn các công cụ tài chính<sup>15</sup> hiện có hoặc thiết lập các công cụ tài chính mới sẽ được xem xét.

- Hoạt động 2.5 Đàm phán các Kế hoạch sử dụng tài nguyên (RUP) tại các vùng được ưu tiên và đảm bảo sự phê duyệt của họ (Kế hoạch sử dụng tài nguyên sẽ bao gồm các mục tiêu phát triển và bảo tồn và việc nhân được hỗ trợ của dự án cho các mục tiêu phát triển sẽ phụ thuộc vào việc đạt được các mục tiêu bảo tồn).

<sup>14</sup> CBRIP (do Ngân hàng thế giới tài trợ và hoạt động ở 13 tỉnh) có hoạt động ở 10 xã ở tất cả các huyện trừ Vũ Quang và cung cấp các khoản hỗ trợ VND 500-900 triệu xã/năm để xây dựng các công trình hạ tầng quy mô nhỏ cùng với đào tạo để nâng cao nhận thức về nguyên tắc phát triển bền vững. MPRP (do OPEC tài trợ) được thực hiện ở 36 xã ở huyện Vũ Quang và cũng tập trung vào các công trình cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ và vừa như đường, trạm xá, trường học, chợ, công trình thủy lợi và phát điện. Cả hai dự án đều do Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện

<sup>15</sup> Dự án BCHP trước đó đã được thành lập một quỹ tín dụng thí điểm có vốn 2,300 triệu đồng, hoạt động ở bốn xã của huyện Hương Sơn. Việc được cho vay vốn gắn với các hoạt động có ảnh hưởng tích cực đến bảo tồn như chăm sóc rừng trồng trong Chương trình 661. Quỹ tín dụng mang lại cả lợi ích kinh tế (được vay vốn) và các lợi ích xã hội (cung cấp sự xem xét kỹ lưỡng đối với các hoạt động có tính phá hoại đến môi trường). Quỹ do xã quản lý và cũng chấp nhận tiền gửi và lãi suất, như vậy tạo ra chương trình tiết kiệm (cuối năm 2004, số tiền gửi đã có vốn tương đương số tiền vốn ban đầu).

Lập kế hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp nhìn chung được coi là điều kiện tiên quyết cho công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên cấp thôn bản và cung cấp nguồn thu nhập hợp phát cho các hộ nghèo ở vùng cao. Giao đất lâm nghiệp đã được triển khai thành công ở vùng dự án mặc dù giao lại đất lâm nghiệp thông qua việc sắp xếp lại các lâm trường cũng cần phải được tiến hành (xem hợp phần 3). Quá trình giao đất rừng sản xuất và cấp Sổ đỏ có thời hạn 50 năm cũng được triển khai thuận lợi và tầm quan trọng về mặt kinh tế của các quá trình này cũng đã được chứng minh, ví dụ thông qua dự án SFNC của tỉnh Nghệ An.<sup>16</sup>

Quá trình lập quy hoạch sử dụng đất do Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai nói chung không được mở rộng xuống dưới cấp xã. Quá trình lập quy hoạch sử dụng tài nguyên mà dự án này dự kiến triển khai sẽ hoạt động ở cấp thôn bản, sẽ được thực hiện trong các quá trình lập kế hoạch đã được các dự án trước đó triển khai ở một số nơi tại vùng dự án và sẽ học theo mô hình đã được áp dụng thành công ở những nơi khác.<sup>17</sup>

Đánh giá sử dụng tài nguyên sơ bộ (IRUA) sẽ được thực hiện trên toàn bộ các xã mục tiêu để xem xét hiệu quả của việc cập nhật hiện nay của các kế hoạch thôn bản và xã hoặc thiếu hoạt động cập nhật này. Nếu xét thấy cần thiết, Kế hoạch sử dụng tài nguyên chi tiết sau đó sẽ được tiến hành tại các xã mục tiêu theo cẩm nang về Kế hoạch sử dụng tài nguyên đã được xây dựng trong giai đoạn đầu thực thi hợp phần này. Các kế hoạch cấp thôn bản và xã sẽ bao gồm các mục tiêu phát triển và các mục tiêu bảo tồn cụ thể (không chung chung) đã được thảo luận và thông qua thông qua các phương pháp có sự tham gia<sup>18</sup>. Hỗ trợ của dự án trong giai đoạn đầu thực hiện các kế hoạch này tại các xã và thôn bản ưu tiên trong năm thứ nhất của dự án sẽ không có điều kiện kèm theo, nhưng việc tiếp tục nhận hỗ trợ vốn cho dự án và ưu tiên các xã và thôn bản để tiếp tục hỗ trợ trong các năm tiếp theo của dự án sẽ phụ thuộc vào việc đạt được các mục tiêu bảo tồn đã được xác định. Thỏa ước hỗ trợ vốn được ký kết giữa dự án và các xã, thôn bản hoặc các xã sẽ bao gồm điều khoản cụ thể về vấn đề này (xem **Phụ lục 2** về vs dụ của một kế hoạch hành động bảo tồn cụ thể kèm theo Thỏa ước với xã)<sup>19</sup>. Tất cả những thỏa ước này cũng cần phải được huyện phê duyệt.

- Hoạt động 2.6 Căn cứ vào Kế hoạch sử dụng tài nguyên, phát triển và khuyến khích cải thiện các hệ thống sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở cộng đồng địa phương (tạo các cơ hội cho các hộ được hỗ trợ kỹ thuật, vật chất và trang thiết bị .v.v dựa trên đánh giá về sự phụ thuộc của cộng đồng địa phương vào nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Căn cứ vào các chương trình hiện nay của Chính phủ và các nhà tài trợ khác, cũng như kết quả của các hoạt động lập kế hoạch sử dụng tài nguyên của dự án và kế hoạch thôn bản, cần phải xây dựng một chiến lược cải thiện sinh kế (chiến lược phát triển bền vững) tổng thể cho vùng dự án. Chiến lược này sẽ được cập nhật khi có thêm thông tin

<sup>16</sup> SFNC.2004. Giao khoán đất lâm nghiệp. Dự án SFNC, Vinh.

<sup>17</sup> Ví dụ, xem Cẩm nang Lập quy hoạch sử dụng tài nguyên do GTZ xây dựng cho Dự án quản lý Vườn quốc gia Tam Đảo và vùng đệm.

<sup>18</sup> Ví dụ về các mục tiêu bảo tồn cụ thể sẽ là: Cấp xã – đóng cửa hoặc chuyển hướng kinh doanh của các cơ sở kinh doanh động vật hoang dã trái phép (đã được thống kê) đang hoạt động tại địa bàn xã (các nhà hàng bán thịt động vật hoang dã, các đối tượng buôn bán động vật hoang dã, các cơ sở nuôi và bán mật gấu, v.v); Cấp thôn bản - giảm các vụ vi phạm vào rừng của người dân trong bản xuống còn 50% trong năm đầu tiên, được đánh giá thông qua hệ thống tự giám sát của thôn bản và hệ thống giám sát độc lập.

<sup>19</sup> Các điều kiện hướng tới mục tiêu bảo tồn tương tự như ở trên đã được sử dụng như một điều kiện tiên quyết được vay vốn tại Dự án BCHT, các bản ở huyện Hương Sơn đã rất quen thuộc và ủng hộ cách thức này.

và sẽ cung cấp các nguyên tắc chỉ đạo đối với hỗ trợ của dự án cho việc cải thiện sử dụng nguồn tài nguyên. Việc cung cấp các hỗ trợ đầu vào sẽ căn cứ vào sự đánh giá mức độ phụ thuộc vào nguồn tài nguyên của đối tượng nhận hỗ trợ, và các hoạt động của dự án sẽ được thực hiện đảm bảo hỗ trợ đầu vào đến được các hộ nghèo nhất và phụ thuộc vào rừng nhất.<sup>20</sup>

Các mô hình sản xuất nông lâm nghiệp vùng cao sẽ được thực hiện trên đất được giao dựa vào kinh nghiệm của các dự án và chương trình trước đây ở vùng này và các thành công của các hoạt động của nông dân địa phương. Những hoạt động này sẽ bao gồm thí điểm các biện pháp bảo tồn đất trên đất dốc, các biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng của việc thâm canh đến cấu thành và chất lượng của đất, Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), v.v. Các chương trình nông lâm kết hợp mà phụ nữ yêu thích sẽ được triển khai, nhằm mục đích tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên (v.d giảm thiểu thu hái củi từ rừng tự nhiên).

- Hoạt động 2.7 Tăng cường sản xuất tại chỗ và cơ chế tiếp thị Lâm sản phi gỗ (NTFPs) và các lâm sản khác

Lâm sản phi gỗ (NTFPs) là một nguồn tài nguyên quan trọng của rừng tự nhiên và đã được thu hái (không bền vững) và đã được lưu thông trên thị trường với quy mô lớn. Tiếp thị LSPG, theo hướng giảm khối lượng, tăng giá trị và bền vững, được cho là dễ dàng hơn việc tiếp thị các sản phẩm nông nghiệp rất dễ hư hỏng, nhất là từ vùng sâu vùng xa. Cộng đồng địa phương hiện nay xem lâm sản phi gỗ trong diện tích rừng đã giao cho họ gần như là một ngân hàng, nơi mà tiền mặt có thể rút khi cần thiết, chứ không phải như một nguồn tài nguyên cần phải được khai thác và quản lý một cách bền vững.

Một số nguyên liệu lâm sản phi gỗ có thể tiếp tục được thu hái từ rừng nhưng dự án, thông qua các nghiên cứu và thử nghiệm, sẽ xác định mức độ bền vững của việc thu hái từ rừng tự nhiên (và khả năng tăng giá trị bằng cách chứng nhận nguồn gốc của những sản phẩm này – xem phần 3.2.3.2). Dự án sẽ khuyến khích việc chuyển giao dần dần sản xuất tại chỗ lâm sản phi gỗ như song mây, cây thuốc và nấm. (Việc nuôi trồng phong lan và nhân giống bất kỳ một loại động vật hoang dã nào sẽ không được khuyến khích: cả hai hoạt động này sẽ gây ra việc thất thoát động vật hoang dã do kết quả của việc nhân giống kém hiệu quả). Nếu cần thiết, sẽ tiến hành đào tạo về nhân giống một số loài nguyên liệu tại chỗ hoặc ở vườn ươm của huyện. Dự án sẽ phối hợp với trạm nghiên cứu Lâm sản phi gỗ do SNV tài trợ để thực hiện chương trình đào tạo và xây dựng các vườn ươm mét và song mây cần để trồng lại trên đất rừng đã được giao.

Các nghiên cứu thị trường sẽ được tiến hành và khả năng mở rộng sản xuất của các sản phẩm hiện có hoặc sản xuất tại chỗ các sản phẩm mới sẽ được xác định. Các hỗ trợ cho nông dân sẽ căn cứ vào việc xác định thị trường. Cụ thể phụ nữ sẽ được tham gia đào tạo chế biến và tiếp thị Lâm sản phi gỗ và sẽ thực hiện phối kết hợp với các hoạt động của UNIDO tập trung vào các doanh nghiệp dành cho phụ nữ.

- Hoạt động 2.8 Xác định và khuyến khích hệ thống nông nghiệp trên đất dốc được xác định là có ảnh hưởng tích cực đến bảo tồn

Dự án được thiết kế với mục đích là gắn kết các can thiệp phát triển với các mục tiêu bảo tồn, như vậy bất kỳ một hệ thống nông nghiệp nào cũng được khuyến khích và

<sup>20</sup> Các mạng lưới phân phối hỗ trợ đầu vào thông qua dịch vụ khuyến nông huyện và Hội đồng xã sẽ được giám sát chặt chẽ đến khi kết thúc.

được dự án hỗ trợ sẽ cần phải có một sự cam kết về bảo tồn (nếu chúng không gắn với hoạt động bảo tồn cụ thể) hoặc mang lại lợi ích trực tiếp cho bảo tồn.

Nhìn chung, dự án nhằm mục đích hỗ trợ các xu hướng hiện tại hướng tới quản lý rừng dựa vào cộng đồng trên đất dốc thông qua hoạt động phục hồi các vùng đầu nguồn bị suy thoái và sản xuất lâm nghiệp, nông lâm kết hợp vùng cao. Trồng rừng và làm giàu rừng tất nhiên cũng là những hoạt động có ảnh hưởng tích cực đến bảo tồn - nhất là trồng dặm loài cây bản địa. Dự án tuy nhiên sẽ không thay thế các hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam thông qua Chương trình 661, mà sẽ hỗ trợ một số hoạt động lâm nghiệp cộng đồng như đã thảo luận trong phần 2.2.3.1.

Những hệ thống có ảnh hưởng tích cực đến bảo tồn sẽ có thể được dự án hỗ trợ bao gồm:

- Trồng lâm sản phi gỗ thay thế (trong đó có củi), cây thuốc, v.v ở vườn hộ và trên đất nông nghiệp lâu năm hoặc đất rừng sản xuất nhằm giải quyết nhu cầu hiện nay đang được đáp ứng từ khai thác các cây rừng tự nhiên.
- Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và trồng rau xanh và chè.
- Nuôi ong.
- Chuyển canh tác độc canh (v.d *Acacia mangium*) sang phát triển vườn rừng đa mục đích, kết hợp trồng cây bản địa với các loài lâm sản phi gỗ (NTFP).
- Chuyển các cơ sở nuôi nhốt động vật, cơ sở trồng phong lan v.v sang hệ thống sản xuất khác có ảnh hưởng tích cực hoặc trung lập đối với công tác bảo tồn. Ví dụ, thay thế một cơ sở nuôi nhím, sơn dương, cây vắn hoặc rắn thành cơ sở nuôi thỏ, hươu hoặc lợn. (Tuy nhiên, việc giao nộp tất cả động vật hoặc phong lan hoang dã sẽ là điều kiện tiên quyết cho việc nhận hỗ trợ vốn từ dự án).

Dự án có thể tạo cơ hội cho các thôn bản và các hộ có kế hoạch phát triển nông nghiệp có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động bảo tồn được hỗ trợ một số đầu vào, trang thiết bị và tín dụng. Về vấn đề này, dự án sẽ hỗ trợ Sở Nông nghiệp và PTNT cung cấp hỗ trợ đầu vào với giá cả hợp lý và cũng sẽ có thể thiết lập các công cụ tài chính mới hoặc tiếp tục hỗ trợ các chương trình tín dụng hiện tại đã được các dự án trước đó thiết lập (như đã đề cập ở trên).

- Hoạt động 2.9 Xây dựng các bộ sách thông tin sử dụng nguồn tài nguyên và canh tác bảo tồn và phổ biến tại cấp xã

Kinh nghiệm sử dụng tài nguyên bền vững và canh tác nông nghiệp theo hướng bảo tồn từ các dự án trước đó và các chương trình dự án khác ở các tỉnh lân cận sẽ được đúc kết vào các bộ sách thông tin dựa trên các lợi thế của vùng dự án và ở dự án và có cấp độ kỹ thuật phù hợp với các đối tượng hưởng lợi. Những bộ tài liệu này sẽ được phân phát thông qua hệ thống phổ biến thông tin hiện có gắn liền với việc triển khai các hoạt động dự án tại các xã.

- Hoạt động 2.10 Đẩy mạnh trao đổi kiến thức giữa nông dân với nông dân

Dự án sẽ tổ chức các chuyến tham quan chéo giữa các hộ nông dân, tham quan các trung tâm thông tin khuyến nông và các chuyên tham quan học tập ngắn ngày đến các huyện khác hoặc các tỉnh lân cận trong các chương trình đào tạo. Các cá nhân được đi tham quan trao đổi sẽ được lựa chọn từ các hộ tham gia tích cực vào các hoạt động nói trên của dự án hoặc là những hộ có sáng kiến áp dụng các phương pháp mới hoặc các cơ hội do các hoạt động dự án mang lại.

▪ Hoạt động 2.11 Khuyến khích hình thành các hộ kinh doanh cá thể trên cơ sở sử dụng nguồn tài nguyên bền vững

Vì phương tiện giao thông và thông tin trên hầu hết vùng dự án rất tốt và trình độ giáo dục cao<sup>21</sup>, có rất nhiều cơ hội cho người dân đa dạng hoá thu nhập từ tài nguyên và như vậy giảm được rủi ro. Vì vậy dự án sẽ tìm hiểu các khả năng tạo thêm các cơ hội việc làm trong một thị trường việc làm ngày càng mở rộng và đa dạng. Hiện nay đã có một vài hiệp hội thương mại hoặc các tổ chức tư nhân hỗ trợ phát triển khu vực tư nhân trong vùng dự án được đề xuất, và có một số các cơ sở đào tạo tại tỉnh nơi các doanh nghiệp tiềm năng có thể theo học các kỹ năng kinh doanh cần thiết. Thị xã Hà Tĩnh có một số trung tâm đào tạo Doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhưng những trung tâm này tập trung vào đào tạo các kỹ năng kinh doanh cho các doanh nghiệp thành thị và cung cấp dịch vụ chứ không phải là các doanh nghiệp sản xuất dựa và nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Dự án sẽ kêu gọi hỗ trợ của các tổ chức khác tham gia khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ tại các tỉnh nghèo của Việt Nam, nhất là các tổ chức Hợp tác kỹ thuật của Đức, cung cấp mô hình, đào tạo và tư vấn liên quan đến phát triển các doanh nghiệp kinh doanh nguồn tài nguyên.

*4.2.3 Quản lý rừng cấp sinh cảnh được áp dụng để gắn kết các hoạt động sản xuất, bảo vệ và bảo tồn rừng*

Chiến lược tổng thể của dự án là gắn kết công tác quản lý tất cả các loại rừng vào chiến lược quản lý sinh cảnh bền vững, đề cao công tác bảo tồn rừng. Chiến lược này sẽ đòi hỏi phải có sự tham gia của các nhà hoạch định chính sách của tỉnh, những người đang xây dựng môi trường thuận lợi cho công tác quản lý và phát triển bền vững cũng như phổ biến kết hợp với các tỉnh lân cận và các tỉnh giáp ranh của Lào vì tại đó cũng đang triển khai các sáng kiến tương tự về bảo tồn rừng.

Công tác quản lý những khu rừng phòng hộ quan trọng sẽ được tăng cường để các khu rừng có thể trở thành nơi trú ngụ cho các loài nguy cấp và là nơi lưu giữ nguồn gen để từ đó các loài có thể di chuyển để tái định cư ở các vùng lân cận. Công tác này bao gồm nâng cao năng lực quản lý cho Ban quản lý VQG Vũ Quang, nâng cao năng lực quản lý của các khu rừng phòng hộ đầu nguồn (bao gồm các Lâm trường quốc doanh, Hạt Kiểm lâm huyện và các hộ nông dân và các tổ chức tập thể nhận giao khoán bảo vệ rừng theo chương trình 661).

Liên quan đến đất sản xuất lâm nghiệp, dự án có mục đích hỗ trợ thay đổi chức năng và hoạt động của ba nhóm:

- Hộ nông dân, sẽ được hỗ trợ để quản lý và thu được lợi ích bền vững từ đất sản xuất lâm nghiệp đã được giao cho các hộ (v.d các hộ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/Sổ đỏ). Các hộ sẽ được hỗ trợ để thành lập các hợp tác xã nhằm mục tiêu cấp chứng chỉ công nhận lâm sản cấp hộ.
- Kinh danh rừng. Các lâm trường quốc doanh, là chủ sở hữu phần lớn diện tích đất sẽ được hỗ trợ để vừa cung cấp dịch vụ cho các chủ rừng khác và vừa phát triển nâng cao hiệu quả quản lý và chương trình cấp chứng chỉ rừng cho các khu rừng do họ quản lý phù hợp với các chỉ thị của Chính phủ về phát triển sản phẩm có chứng chỉ. (Một số diện tích đất của lâm trường đã được giao khoán lại cho các hộ sống trong hoặc giáp ranh diện tích đất của lâm trường quốc doanh). Việc hợp lý hoá hoạt động của các

<sup>21</sup> Tỷ lệ sinh viên ngành sư phạm trên toàn tỉnh cao hơn mức trung bình và không có các cộng đồng dân tộc thiểu số, đối tượng ít có cơ hội được học tập hơn.

doanh nghiệp chế biến gỗ tự nhiên cũng rất quan trọng trong việc đạt được chứng chỉ rừng, vì chứa chấp nguồn gỗ bất hợp pháp là một vấn đề chính cản trở hiệu quả quản lý rừng trên diện tích rừng do các LTQD quản lý.

- Ở một mức độ nào đó, các nhà hoạch định chính sách của tỉnh có ảnh hưởng đến việc tạo ra môi trường thuận lợi cho phát triển lâm nghiệp trong đó có cấp chứng chỉ rừng cho các Lâm trường quốc doanh và hoạt động quản lý hợp tác xã của các hộ cũng sẽ được hỗ trợ.

Dự án có mục đích triển khai một kế hoạch dài hạn mà qua đó canh quan rừng phía bắc dãy Trường Sơn được quản lý như một thể thống nhất về cả hai phía đường biên giới quốc tế, tạo nên một hành lang xanh nhằm bảo vệ có hiệu quả các loài động thực vật hoang dã. Dự án sẽ hỗ trợ việc thực hiện kế hoạch này ở tỉnh Hã Tĩnh bằng cách một mặt thì thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào công tác quản lý rừng phòng hộ thông qua việc hình thành các phân khu đa mục đích, đem lại lợi ích cho người dân từ việc duy trì tính toàn vẹn của các khu rừng phòng hộ, mặt khác nâng cao năng lực thực thi pháp luật nhằm kiểm soát hiệu quả hơn nữa các đối tượng khai thác rừng (nhiều người trong số họ không phải là dân cư của vùng dự án).

#### 4.2.3.1 Tăng cường công tác quản lý rừng dựa vào cộng đồng

- Hoạt động 3a.1 Đánh giá kinh nghiệm về quản lý rừng dựa vào cộng đồng từ các mô hình thí điểm đã được áp dụng trong vùng dự án

Những khiếm khuyết trong việc thực thi Chương trình 5 triệu hecta rừng và sau đó Chương trình 661 đã dẫn đến nhiều cuộc bàn luận về vấn đề làm thế nào để phát triển quản lý rừng dựa vào cộng đồng có sự tham gia. Một đánh giá tổng thể về mối liên hệ giữa chính sách và hoạt động tác nghiệp tại hiện trường dự kiến sẽ được thực hiện trong giai đoạn đầu của Dự án Phát triển ngành lâm nghiệp (FSDP) (do Chương trình Hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP) điều phối) và sẽ bao gồm các chủ đề như: đánh giá cơ chế thuế và khuyến khích trong lâm nghiệp, đánh giá quy trình phân loại và giao đất lâm nghiệp và đánh giá ảnh hưởng của việc thực hiện Nghị định 08 về đồng quản lý các khu rừng đặc dụng.

Việc đánh giá kinh nghiệm quốc gia và kinh nghiệm từ những nơi khác sẽ được sử dụng để làm rõ các quy định, hướng dẫn, khen thưởng và thực tiễn áp dụng vào vùng dự án.

- Hoạt động 3a.2 Tăng cường thể chế để nâng cao hiệu quả phối kết hợp giữa các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ rừng và cộng đồng địa phương.

Luật bảo vệ rừng mới (2004) có rất nhiều sửa đổi về mối quan hệ giữa các cơ quan bảo vệ rừng và cộng đồng địa phương và về bộ máy hành chính và việc sử dụng cán bộ bảo vệ rừng. Việc tăng cường một hoặc hai “kiểm lâm viên địa bàn” ở mỗi xã rõ ràng là nhằm mục đích bố trí kiểm lâm viên tại cơ sở như một thành viên của cộng đồng địa phương, tăng cường phối hợp thường xuyên trong các hoạt động và biến các chính sách về công tác quản lý bảo vệ rừng. Tuy nhiên, vì nhiều lý do trong thực tiễn tác nghiệp, kiểm lâm viên địa bàn hầu như không thể đóng vai trò như một cán bộ thực thi pháp luật bảo vệ rừng (liên quan nhiều nhất đến sự có mặt và hoạt động của kiểm lâm đều có thể dự đoán trước). Điều này có nghĩa là việc thực thi pháp luật (hiện nay là vấn đề nghiêm trọng và cấp bách nhất ảnh hưởng đến công tác bảo vệ rừng) sẽ được trao cho một “đội cơ động” vừa thiếu cán bộ lại vừa thiếu năng động ở cấp tỉnh và cấp huyện, hoạt động của họ sẽ không thể dự đoán trước được.

Để đạt được mục tiêu bảo vệ rừng, trách nhiệm của kiểm lâm viên địa bàn và các đơn vị kiểm lâm cấp huyện/tỉnh, và mối quan hệ phối kết hợp giữa các ban ngành khác nhau và cộng đồng địa phương cần phải được làm rõ. Đào tạo và xây dựng các quy trình hoạt động cho tất cả các đơn vị bảo vệ rừng sẽ rất cần thiết nhằm khắc phục các điểm yếu trong công tác thực thi pháp luật bảo vệ rừng. (Xem hoạt động 3c.3.)

Tuy nhiên, nếu được đào tạo và hỗ trợ tốt, việc bố trí kiểm lâm viên địa bàn (hàng tháng, mỗi người phải làm việc ít nhất 15 ngày tại xã) có thể hỗ trợ rất lớn cho việc phát triển và đặc biệt là giám sát quản lý rừng dựa vào cộng đồng. Một hoạt động chính của dự án là cung cấp đào tạo kỹ thuật và hỗ trợ kiểm lâm viên địa bàn có đủ khả năng để thực hiện những hoạt động này trong quá trình thiết lập các hệ thống giám sát có sự tham gia tại các nhóm quản lý rừng.

- Hoạt động 3a.3 Nâng cao kiến thức và nhận thức cho người dân địa phương về công tác bảo vệ rừng của cộng đồng địa phương

Phổ biến thông tin cho cộng đồng địa phương, đã được triển khai thông qua các chương trình tuyên truyền của Chính phủ và đã được các dự án trước đó hỗ trợ, sẽ được hỗ trợ về tư vấn kỹ thuật biên soạn và hỗ trợ tài chính để tuyên truyền thông tin liên quan đến các hoạt động cụ thể của dự án. Cụ thể là kiểm lâm viên địa bàn sẽ được hỗ trợ như là cầu nối để phổ biến thông tin và cung cấp tư vấn liên quan đến các hoạt động quản lý bảo vệ rừng (kể cả các nhiệm vụ như phòng cháy chữa cháy).

Tuy nhiên, như một nguyên tắc chung, dự án sẽ đạt được hiệu quả của công tác quản lý rừng thông qua hoạt động và thông qua việc thực thi pháp luật và giám sát có hiệu quả. Dự án sẽ giảm chú trọng vào phương pháp tuyên truyền các quy định và thông tin thông qua các chiến dịch giáo dục môi trường.<sup>22</sup>

- Hoạt động 3a.4 Giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng và hộ gia đình theo thoả thuận hợp tác quản lý

Giao đất ở vùng dự án đã được thực hiện, 16.000 ha đã được giao từ Lâm trường Hương Sơn với sự hỗ trợ của dự án BCHT (cuối năm 2004). Năm 2005, thêm 600 ha đang được giao lại từ LTQD Hương Sơn cho người dân ở xã Sơn Kim II. Trong năm 2005, Sở Tài nguyên và MT cũng đang xây dựng kế hoạch giao đất rừng ở huyện Vũ Quang. Còn hai đơn vị nữa ở huyện Hương Khê, BQL rừng Chuc A và LTQD Trai Tu và Dự án sẽ hỗ trợ hoạt động giao đất này nếu Dự án mở rộng sang huyện thứ ba. Hiện nay, chính sách chung của UBND Tỉnh là giao lại phần lớn diện tích đất trước đây đã được giao cho các LTQD/BQL rừng cho các hộ gia đình, với định hướng là các LTQD/BQL rừng sẽ chuyển thành các công ty dịch vụ - mặc dù các LTQD/BQL rừng vẫn có thể có cơ hội quản lý những diện tích lớn hơn nếu rừng được cấp chứng chỉ và nhờ vậy sẽ tăng giá trị thương mại (phần 3.2.3.2).

Vì đã có cam kết là sẽ tiếp tục giao lại một số diện tích đất khác, dự án sẽ hỗ trợ quá trình giao đất và cấp Chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quy định đã được sửa đổi của Nhà nước.<sup>23</sup> Hoạt động sẽ bao gồm: xây dựng phương án giao đất cho mỗi huyện và được tỉnh phê duyệt, điều tra và lập bản đồ, bố trí để công khai trước công chúng và

<sup>22</sup> Nhiều cán bộ và nỗ lực đã được dành cho việc tuyên truyền thông tin cho các cộng đồng địa phương nhưng chưa chứng tỏ được là có tác dụng đến hiệu quả của công tác bảo vệ tài nguyên rừng.

<sup>23</sup> Làm rõ quy định sửa đổi.



tư vấn kết quả điều tra và lập bản đồ, chuẩn bị cấp Chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện phê duyệt và cấp Chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ.

▪ Hoạt động 3a.5 Xây dựng các thông số sử dụng bền vững và hệ thống giám sát đất được giao

Năng lực của các đơn vị khuyến nông khuyến lâm sẽ được củng cố để có thể cung cấp tư vấn kỹ thuật và tài chính cho các hộ đang tham gia để thiết kế và lập kế hoạch sản xuất bền vững từ đất rừng được giao. Nếu cần thiết, dự án sẽ cung cấp hỗ trợ tư vấn kỹ thuật địa phương để bổ sung năng lực hạn chế của các đơn vị khuyến nông huyện. Các LTQD sẽ hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn lâm nghiệp/nông lâm kết hợp nếu phù hợp.

Các thông số sử dụng bền vững sẽ được xác định cho các diện tích đất đã được giao và các kế hoạch sẽ được phát triển cấp hộ, sẽ chỉ ra các đầu vào cần thiết cũng như việc thu hoạch các sản phẩm ở mức cho phép. Một hệ thống GS&ĐG có sự tham gia sẽ được xây dựng để giám sát việc tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường.

▪ Hoạt động 3a.6 Hỗ trợ sản xuất lâm nghiệp, nhất là Lâm sản phi gỗ, như đã được xác định trong các kế hoạch sử dụng bền vững.

Các hộ gia đình sẽ được hỗ trợ để thực hiện sản xuất gỗ thương mại và trồng rừng nông lâm kết hợp theo các kế hoạch đã được xây dựng như đã đề cập ở trên. Nếu cần thiết, dự án có thể tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật thông qua các cơ quan khuyến nông và tư vấn trung ương. Các hỗ trợ về vật chất khác (cây giống từ nguồn giống đảm bảo, v.v.<sup>24</sup>) hoặc hỗ trợ tín dụng có thể được áp dụng như đối với nông nghiệp (xem Hoạt động 2.7).

▪ Hoạt động 3a.7 Xây dựng và thực thi Kế hoạch hoạt động (Kế hoạch quản lý) cho VQG Vũ Quang gắn kết với sử dụng nguồn tài nguyên cộng đồng ở các phân khu đa mục đích (MUZs) (đối với các hộ nằm trong hoặc nằm giáp ranh khu bảo vệ)

Các thông số nhằm cải tiến công tác lập kế hoạch cho các khu bảo vệ ở Việt Nam<sup>25</sup> đang được Chính phủ nấp dụng thí điểm và phê duyệt. Đánh giá nhu cầu bảo tồn và Lập kế hoạch hoạt động đã được áp dụng như là những điều kiện tiên quyết cho việc tài trợ từ một số nguồn tài trợ quốc tế (như Quỹ bảo tồn Việt Nam). VQG Vũ Quang sẽ được hỗ trợ để soạn thảo những tài liệu cần thiết để xin những nguồn tài trợ quốc tế, hoặc nếu những tài liệu này đã được soạn thảo, nguồn kinh phí này sẽ được bổ sung để đảm bảo đạt được các mục tiêu trong Kế hoạch hoạt động.

Việc sửa đổi Luật Chính phủ đang tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành các phân khu đa mục đích trong các khu bảo vệ nhằm đảm bảo đời sống cho các hộ nằm trong hoặc giáp ranh với các khu bảo vệ. Sự tham gia của cộng đồng địa phương vào công tác đồng quản lý các phân khu đa năng sẽ là một khái niệm quan trọng trong Lập kế hoạch hoạt động cho VQG Vũ Quang, nơi có 600 hộ sống trong ranh giới khu bảo vệ. Được xem như là một hoạt động đầu tiên, bằng phương pháp có sự tham gia, cần phải xác định rõ ranh giới giữa vùng lõi của VQG và đất được cấp cho các hộ nông dân trong Sổ đỏ (cả phần giáp ranh và phần bên trong khu bảo vệ). Hiện nay, sự thiếu rõ ràng về

<sup>24</sup> Nếu thấy phù hợp, dự án sẽ triển khai một chương trình đánh giá nhằm liệt kê các vườn ươm có uy tín có thể cung cấp cây giống, nguyên vật liệu phục vụ trồng trọt khác cho dự án. Điều này nhằm đảm bảo chất lượng.

<sup>25</sup> Quá trình lập kế hoạch hoạt động được phác thảo trong Grieser Johns, 2004, Lập kế hoạch quản lý cho các khu bảo vệ ở Việt Nam, Dự án PARC và Cục Kiểm Lâm Hà nội.

ranh giới của đất rừng được giao là một cản trở cho đầu tư của các hộ trong những khu vực này.

Hiện tại có 57 bản giáp ranh với VQG Vũ Quang và ở một mức độ nào đó phụ thuộc vào các sản phẩm được khai thác từ rừng. Rõ ràng, việc xây dựng các chiến lược quản lý bền vững cho những bản này là rất cần thiết trong việc thực hiện một chiến lược quản lý có hiệu quả đối với khu bảo vệ. Cần phải tăng cường sự phối kết hợp trong công tác quản lý VQG (thuộc trách nhiệm của Ban quản lý VQG) và vùng đệm (thuộc trách nhiệm của huyện Vũ Quang) - hiện tại các cơ quan ban ngành khác nhau có thể đang thực hiện các chương trình nghị sự mâu thuẫn với nhau<sup>26</sup>.

#### 4.2.3.2 *Cấp chứng nhận lâm nghiệp sản xuất ở cấp gia đình và lâm trường*

- Hoạt động 3b.1 Tiến hành các biện pháp tư vấn và hỗ trợ nhằm hướng tới quản lý rừng bền vững, là điều kiện cần thiết cho việc chứng nhận.

Các nguyên tắc và tiêu chí quản lý rừng bền vững (SFM) bao gồm các mục tiêu môi trường và lâm nghiệp, ngoài một số tham chiếu cho rằng công tác bảo tồn đa dạng sinh học là một phần không tách rời của quản lý sản xuất gỗ bền vững mặc dù các thuật ngữ được sử dụng rất khác nhau. Về mặt lịch sử, quan điểm này xuất phát từ một thực tế rằng sinh thái rừng không chỉ liên quan đến cây – mà với nhận thức rằng trong thực tế quản lý rừng có hiệu quả không hẳn là sẽ không có ảnh hưởng xấu đến đa dạng sinh học (mặc dù quan điểm sau đã gây ra nhiều tranh luận<sup>27</sup>).

Căn cứ vào các thuật ngữ trên, các hướng dẫn về quản lý rừng bền vững đã được xây dựng bao gồm các chỉ số thành công (được thể hiện như là tiêu chí của việc đạt được quản lý rừng bền vững). Những chỉ số này được sử dụng như là một công cụ cơ bản để xác định liệu các khu rừng riêng lẻ có thể được "cấp chứng chỉ" được quản lý theo các nguyên tắc của Quản lý rừng bền vững (SFM). Ở đây có thể có sự khác biệt về thuật ngữ sử dụng vì mỗi tổ chức cấp chứng chỉ sử dụng các quy định riêng của họ.

Hướng dẫn của ITTOs bao gồm nhiều tiêu chí, bao gồm một tiêu chí về bảo tồn đa dạng sinh học (tiêu chí 5).<sup>28</sup> Ngoài ra, tài liệu này cung cấp chi tiết biện pháp cần được thực hiện để đạt được các tiêu chuẩn cần thiết. Hội đồng quản lý chứng chỉ rừng (FSC), ban đầu được thành lập như một cơ quan cấp chứng chỉ độc lập, đã xây dựng một loạt các tiêu chí và chỉ số chức năng nhằm mục tiêu cung cấp hướng dẫn cho việc cấp chứng chỉ ở cấp đơn vị quản lý rừng.<sup>29</sup>

Nhận thức về chứng chỉ rừng là một quá trình phức tạp. Hiện nay, chưa có khu rừng nào ở Việt Nam được cấp chứng chỉ mặc dù Việt Nam đang nhập khẩu, chế biến và tái xuất khẩu số lượng lớn gỗ được cấp chứng chỉ từ những nơi khác. Việt Nam chưa có

<sup>26</sup> Dự án Phát triển vùng đệm do VQG xây dựng không được Chính phủ phê duyệt – có thể do một số lý do pháp lý.

<sup>27</sup> E.g. Robinson (1993) giả thiết rằng mối quan hệ giữa sự tác động vào rừng và sự suy giảm đa dạng sinh học, với sự thất thoát của các loài thậm chí thông qua các hệ thống can thiệp rất nhỏ. Tất nhiên giả thiết này không nhất thiết lúc nào cũng như vậy vì sự thất thoát của các loài phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như quy mô tác động, đặc điểm sinh cảnh và nhất là thành công của công tác quản lý.

<sup>28</sup> ITTO. 2001. Tiêu chuẩn và các chỉ số của ITTO về quản lý bền vững rừng nhiệt đới tự nhiên. ITTO, Yokohama. Thông tin cụ thể hơn được trình bày trong: ITTO. 2001. Hướng dẫn của ITTO về bảo tồn đa dạng sinh học rừng sản xuất nhiệt đới, ITTO Policy Development Series no. 5.

<sup>29</sup> Các nguyên tắc và tiêu chí của FSC, tài liệu 1.2, sửa đổi tháng 2/2000.

chuyên môn phân tích các khả năng cấp chứng chỉ cho các khu rừng ở Việt Nam. Cần phải có hỗ trợ tư vấn để đánh giá các khả năng cấp chứng chỉ và điều chỉnh hệ thống quản rừng cần phải được áp dụng để đạt được mục tiêu này.

Hiện nay ở Hà Tĩnh, vấn đề là các doanh nghiệp chế biến gỗ tư nhân được Sở Kế hoạch vàĐT cấp giấy phép kinh doanh nhưng không có nguồn gỗ hợp pháp do Sở Nông nghiệp và PTNT phân bổ. Nguồn gỗ của họ chủ yếu là do các hộ gia đình nghèo cung cấp, nguồn gỗ này được khai thác trái phép trong rừng phòng hộ hoặc trên đất rừng của các LTQD. Việc tham gia của các hộ gia đình trong việc cung cấp gỗ bất hợp pháp là một vấn đề xã hội quan trọng cần phải được giải quyết để cho phép rừng được cấp chứng chỉ. Các cơ quan ban ngành của Tỉnh cũng cần phải hỗ trợ hợp lý hoá các doanh nghiệp chế biến gỗ có nguồn gỗ từ rừng trồng.

Cũng cần phải có hỗ trợ để phát triển hệ thống giám sát dài hạn để tài liệu hoá SFM và đảm bảo các nguyên tắc về quản lý môi trường, rừng và đa dạng sinh học được tuân thủ để về dài hạn có thể đạt được chứng chỉ rừng

- Hoạt động 3b.2 Nghiên cứu các cơ hội cho các sản phẩm được cấp chứng chỉ và hỗ trợ thiết lập mạng lưới thị trường

Ở các tỉnh phía Nam Việt Nam, có các công ty lớn đang chế biến khối lượng lớn gỗ được cấp chứng chỉ và xuất khẩu cho thị trường thế giới. Tất cả khối lượng gỗ này có nguồn gốc từ các nước khác không phải Việt Nam, các công ty đóng tại Việt Nam chỉ vì giá nhân công rẻ. Hiện tại Việt Nam chưa có khu rừng nào được cấp chứng chỉ và vấn đề liệu các khu rừng của Việt Nam có thể đảm bảo đủ trữ lượng và lâu dài đủ để đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghiệp của Việt Nam hiện nay còn rất xa vời.

Dự án trước hết sẽ tập trung đánh giá Lâm trường Hương Sơn để xác định năng lực của lâm trường để sản xuất một số sản phẩm (với số lượng nhỏ), chất lượng độc đáo của các sản phẩm này và làm thế nào để tạo ra hoặc tiếp cận với thị trường. Trong năm 2005, Quỹ uỷ thác rừng nhiệt đới (TFT) đang thực hiện đánh giá thị trường sơ bộ, nhưng cần phải có những đánh giá chi tiết. Nếu thị trường có thể được thiết lập cho các sản phẩm gỗ của các lâm trường và sản phẩm phi gỗ từ các hộ gia đình, dự án có thể cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và tài chính ở một mức độ nhất định để nắm bắt các cơ hội thị trường. Ví dụ như Dự án có thể hỗ trợ việc xây dựng các tài liệu để phát triển thị trường, tham gia hoặc tiếp cận với các hội chợ thương mại quốc tế. Tất cả các hoạt động tiếp thị như vậy sẽ kéo theo sự cung cấp sản phẩm của các LTQD và các hộ gia đình.

Tuỳ thuộc vào mức độ thành công của các hoạt động của LTQD Hương Sơn hoặc sự cần thiết mở rộng khu vực cung cấp tài nguyên để có thể tiếp thị sản phẩm một cách bền vững, dự án có thể mở rộng các hoạt động sang các LTQD Truc A và Trai Tu tại huyện Hương Khê.

- Hoạt động 3b.3 Thiết lập mối quan hệ phối kết hợp với các tổ chức trong nước và quốc tế để tranh thủ sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính dài hạn (v.d TFT, FSC)

Quỹ uỷ thác rừng nhiệt đới (TFT) đã bắt đầu hợp tác với Lâm trường Hương Sơn để đánh giá các khả năng cấp chứng chỉ cho các sản phẩm và vào cuối năm 2005 sẽ hỗ trợ xong Lâm trường Hương Sơn xây dựng Kế hoạch hành động để đạt được mục tiêu này. Đánh giá sơ bộ của TFT đã cho thấy những yếu kém trong quy trình quản lý (kể cả cấp quản lý), thông tin (hiện nay chưa có các ô tiêu chuẩn làm căn cứ đánh giá việc khai thác bền vững), .... và đặc biệt là môi trường xã hội.

Liên quan đến vấn đề cấp chứng chỉ cho các sản phẩm gỗ từ LTQD Hương Sơn, sẽ là vấn đề cải tiến kỹ thuật khai thác liên quan đến giảm ảnh hưởng của khai thác và triển khai mô hình thí điểm ở Việt Nam để xác định phương pháp thích hợp cho hoạt động khai thác. Tuy nhiên, số lượng và các loài có thể thể được tái sinh bền vững từ diện tích rừng trồng... là khá hạn chế. Các lâm trường quốc doanh sẽ cần phải xác định một thị trường cụ thể cho loại gỗ, có thể sản xuất được chứ không phải là không thể bán thứ gì khác ngoài các các phiến gỗ quá khổ còn tươi - LTQD không có khả năng phơi sấy và chế biến tại chỗ. Sự hỗ trợ của Dự án và phát triển quan hệ với các thị trường quốc tế rất cần thiết để thiết lập một thị trường. (xem Hoạt động 3b.c).

Có thể sẽ có thêm cơ hội cho việc cấp chứng chỉ lâm sản phi gỗ cấp hộ gia đình, một lĩnh vực cũng cần đến hỗ trợ kỹ thuật. Thu hái song mây từ các khu rừng của lâm trường quốc doanh Hương Sơn (bởi người dân địa phương dựa trên hợp đồng lỏng lẻo với các lâm trường quốc doanh) hiện nay đang khai thác khoảng 500 tấn/năm và cần phải.... Khai thác song mây cũng rất quan trọng đối với các hộ thuê đất từ hoặc đang hoạt động ở trên đất của LTQD Hương Khê. Cần phải tăng cường trao đổi giữa các lâm trường quốc doanh và cộng đồng địa phương để hình thành quyền được phép khai thác chính thức (căn cứ vào một đánh giá do TFT thực hiện đối với LTQD Hương Sơn). Một khi đã thống nhất được quyết khai thác chính thức, cần phải tiến hành nghiên cứu phương pháp khai thác bền vững (xem phần 3a.5 và 3a.6). Cộng đồng địa phương sẽ cần phải xây dựng năng lực để phát triển cây giống tại các vườn ươm và đem trồng để duy trì sản xuất trên đất rừng đã được giao, giảm nhu cầu khai thác tài nguyên từ các khu rừng phòng hộ.

Tuy nhiên, cần phải đánh giá sự phân cấp quản lý hiện nay mà theo đó các LTQD chỉ được phép khai thác theo chỉ tiêu do các cơ quan cấp tỉnh phê duyệt, để đảm bảo rằng các LTQD có quyền kiểm soát quản lý trên khu rừng và có quyền phát triển các thoả ước khai thác lâm sản phi gỗ với cộng đồng địa phương. Các quy chuẩn cho việc tổ chức lại ban quản lý sẽ cần phải được triển khai trong quá trình lập kế hoạch dự án. (Cấp chứng chỉ và định nghĩa về các hệ thống quản lý bền vững có thể được sử dụng như là một phương tiện giải trình hạn ngạch cao hơn về lâm sản và các lâm trường quốc doanh sẽ cần phải cam kết quản lý dài hạn để đảm bảo rằng điều đó không xảy ra).

#### *4.2.3.3 Lập kế hoạch quản lý rừng tổng hợp nhằm góp phần thiết lập một hành lang rừng quốc gia và liên quốc gia ở Bắc Trường Sơn*

- Hoạt động 3c.1 Đánh giá kinh nghiệm từ các dự án hành lang xanh quốc gia và liên quốc gia có thể áp dụng cho vùng dự án

Cho đến nay, hành lang liên quốc gia giữa Việt Nam và các nước giáp ranh rất khó để thực thi mặc dù đã có rất nhiều trao đổi ở cấp liên chính phủ. Kinh nghiệm của các dự án liên quốc gia đã được WWF tóm tắt (Đánh giá của WWF về các dự án liên quốc gia...)

Nhiều dự án 'hành lang xanh' cũng đã được triển khai ở các tỉnh khác nhau của Việt Nam, trong đó có Quảng Nam và Gia Lai (cả hai đều do GEF tài trợ). Những dự án được xây dựng dựa trên cách tiếp cận về sinh cảnh do GEF tài trợ trước đây, và nhằm lồng ghép bảo tồn vào các sinh cảnh có rừng che phủ. Những dự án có một số cách tiếp cận song song với cách tiếp cận của đề án này và đánh giá kinh nghiệm từ những cách tiếp cận này cần phải được thực hiện tổng Giai đoạn khởi động của dự án được đề xuất.

- Hoạt động 3c.2 Duy trì đàm thoại với tỉnh Quảng Bình và Nghệ An liên quan đến các sáng kiến có liên quan và với 2 dự án của Nakai Nam (Lào) liên quan đến gắn kết các sáng kiến liên biên giới.

Một Kế hoạch hành động hợp tác được ký kết vào tháng 11 năm 2004 giữa tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình và các tỉnh giáp ranh ở Lào, tập trung chủ yếu vào việc kiểm soát khai thác thực vật và động vật trái phép và hoạt động buôn bán ngang qua biên giới quốc tế. Đóng góp tài chính cho việc thực hiện kế hoạch này chưa cụ thể và vẫn còn chờ xem liệu nó có hiệu quả hay không. Tuy nhiên, nó hình thành một khuôn khổ sơ bộ cho việc xây dựng kế hoạch liên quốc gia và các hoạt động phối hợp cụ thể giữa các chương trình của Chính phủ và các dự án do quốc tế tài trợ ở bên phía Việt Nam với dự án Na Khai bên phía Lào do Ngân hàng thế giới tài trợ.

Bên phía biên giới Việt Nam, việc thiết lập một quan điểm chung về hành lang rừng gắn các khu bảo vệ của dãy núi Bắc Trường Sơn, gồm Phong Nha - Kẻ Bàng, Vũ Quang và Pù Mát tiến triển rất chậm mặc dù đã được đề xuất từ nhiều năm nay.<sup>30</sup> Dự kiến Phong Nha - Kẻ Bàng sẽ được hỗ trợ của một dự án bảo tồn và lâm nghiệp được tài trợ thông qua KfW, và cũng là trọng điểm của nhiều dự án quốc tế và của Chính phủ. Pù Mát đã được hỗ trợ rất nhiều thông qua một dự án bảo tồn kết hợp phát triển do EC tài trợ từ tháng 6 năm 1997 đến tháng 12 năm 2004 và có rất nhiều chương trình quản lý và bảo tồn đã được thực hiện. Vũ Quang đã bị lãng quên kể từ khi chấm dứt của một dự án do WWF và Đại sứ quán Hà Lan tài trợ năm 2000. Các khu rừng ở Hà Tĩnh và Nghệ An đã nhận được rất ít sự quan tâm và trong thực tế đang trở nên bị chia cắt thông qua hoạt động đốt rừng làm rẫy và đặc biệt là việc xây dựng và nâng cấp đường qua biên giới.

Với dự án này ở Hà Tĩnh tập trung và phân trung tâm của khu vực hành lang, tạo ra một cơ hội tốt hơn nhằm thiết lập chương trình quản lý cấp sinh cảnh có hiệu quả, chờ sự thống nhất của các tỉnh liên quan về một phương pháp lập kế hoạch tổng hợp (xem dưới đây). Tuy nhiên, vấn đề quan trọng là duy trì đàm thoại ở cấp tỉnh và giữa các khu bảo vệ để đảm bảo các cách tiếp cận bổ sung vào các chương trình bảo tồn rừng.

- Hoạt động 3c.3 Tăng cường cơ chế bảo vệ rừng liên ngành (phù hợp với Chỉ thị 12, v.v) để giảm sự tàn phá vì mục đích thương mại và buôn bán trái phép lâm sản qua biên giới (tập trung cụ thể vào sự tham gia của Biên phòng, công an và quân sự để hỗ trợ Chi cục Kiểm Lâm, ban quản lý rừng và các chủ rừng khác

Trên khắp Việt Nam, có một khoảng cách lớn giữa khuôn khổ pháp luật bảo vệ và quản lý rừng và đa dạng sinh học và năng lực quản lý và các hoạt động thực tế. Vấn đề này đã được Chính phủ công nhận và là cơ sở của Chiến lược quản lý Hệ thống các khu bảo vệ ở Việt Nam giai đoạn 2003-2010 (MASPAS). Cũng đã có những nỗ lực cụ thể nhằm thu hẹp khoảng cách này thông qua tăng cường khuôn khổ chính sách (Chỉ thị 12 tháng năm năm 2003, Quyết định 1021 tháng 9 năm 2004).

Tuy nhiên, thực tế đã chứng tỏ khó có thể xác định được các biện pháp khả thi và bền vững nhằm cải tiến sự phối hợp và thực thi công tác quản lý và bảo vệ rừng trong khuôn khổ luật pháp hiện nay và quá trình lập kế hoạch đang được áp dụng tại các khu

<sup>30</sup> EC. 1994. Tài liệu dự án: Lâm nghiệp xã hội và bảo tồn thiên nhiên tỉnh Nghệ An. EC, Brussels. Eve, R., Dung, N.V. & Meijboom, M. 1998. Khu bảo tồn thiên nhiên Vũ Quang; Một sự gắn kết ở Dải Trường Sơn. WWF Indochina, Hà nội

bảo vệ.<sup>31</sup> Dự án sẽ thực hiện thí điểm các can thiệp tăng cường sự phối kết hợp và xây dựng năng lực, có thể thực hiện ở cấp quốc gia. Hoạt động này có một nội dung chính là đào tạo các giảng viên cấp tỉnh và trung ương để đảm bảo tính bền vững của các can thiệp thí điểm. Như vậy kết quả sẽ bao gồm việc soạn thảo cẩm nang đào tạo và đào tạo giảng viên. Hoạt động này sẽ tạo điều kiện cho việc có được những kinh nghiệm từ các hoạt động thí điểm ở cấp quốc gia để áp dụng ở những nơi khác và vì mục đích bền vững.

Các hoạt động đào tạo sẽ không chỉ tập trung vào Chi cục Kiểm lâm mà còn lực lượng liên ngành cấp huyện và cấp tỉnh (như đã được xác định rõ trong Chỉ thị 12) bao gồm nhiều cơ quan tổ chức bao gồm cả Công an và Biên phòng. Sự tham gia của các lực lượng này trong thực thi pháp luật bảo vệ rừng hiện nay rất hạn chế mặc dù đã được đề cập rất cụ thể trong Chỉ thị 12<sup>32</sup>. Đào tạo cũng sẽ mở rộng cho cán bộ bảo vệ rừng của các lâm trường quốc doanh, các nhóm lâm nghiệp cộng đồng và toà án (sự tham gia của toà án cần thiết để chuẩn hoá hệ thống xử phạt và hình thức xử phạt thay thế, như lao động, được áp dụng với những mức độ khác nhau của các vụ vi phạm hành chính và hình sự). Cần phải xác định vai trò cụ thể và thiết lập các quy chuẩn về việc phân cấp cho kiểm lâm viên xã của Chi cục Kiểm lâm trong việc cung cấp thông tin cho lực lượng liên ngành.<sup>33</sup>

- Hoạt động 3c.4 Phối hợp với TRAFFIC, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan quản lý biên giới trong việc tuân thủ các hiệp ước thương mại quốc tế mà Việt Nam và Lào đã tham gia ký kết.

Một vấn đề đang nổi lên hiện nay ở Hà Tĩnh và những nơi khác là năng lực yếu kém của hải quan cửa khẩu và các cơ quan chức năng khác ở biên giới trong việc kiểm tra, kiểm soát xuất nhập cảnh vào Việt Nam. TRAFFIC Indochina đang xây dựng các chương trình và tài liệu đào tạo phù hợp để nâng cao năng lực và hoạt động này sẽ được dự án hỗ trợ, đối tượng là các cơ quan cửa khẩu ở đường quốc lộ 08 và Biên phòng (cơ quan biên phòng chịu trách nhiệm kiểm soát giao thông ra vào biên giới không đi qua các cửa khẩu chính thức). Việt Nam là một bên tham gia ký kết các Hiệp ước CITES và CBD, bao gồm những quy định cụ thể liên quan đến buôn bán quốc tế động vật và thực vật và các cơ quan chức năng của Việt Nam có nghĩa vụ phải tuân thủ những quy định này.

Một vấn đề khác là hoạt động cấp chi công tơ nơ ở Lào để vận chuyển trực tiếp tới Hải Phòng và các cửa khẩu khác ngoài tỉnh Hà Tĩnh. Cơ quan hải quan Hà Tĩnh hiện nay không thể kiểm tra những công tơ nơ này, thậm chí mặc dù họ có thể có những nghi ngờ về hàng hoá bên trong của những công tơ nơ này và không thể áp tải các công tơ nơ này tới các điểm kiểm tra chính thức ở nơi khác ở Việt Nam, ở địa bàn không thuộc thẩm quyền của họ. Đây được cho là một biện pháp chính được sử dụng để vận chuyển sản phẩm trái phép có giá trị cao ngang qua biên giới. Một giải pháp cho vấn đề khá nghiêm trọng này cần phải được thảo luận trong Giai đoạn khởi động của dự án, bằng

<sup>31</sup> Các vấn đề thường được viện dẫn là nghèo đói (phần lớn các vụ vi phạm lâm luật hiện nay được xử như những vụ vi phạm hành chính, có thể bị phạt tiền và nhiều người được cho là quá nghèo để có thể nộp phạt và như vậy vụ án được cho qua) hoặc các mối liên quan đến chính trị (kết quả là những kẻ buôn bán động vật hoang dã và gỗ với khối lượng lớn thường có những mối liên quan về mặt chính trị nào đó và “không thể đụng chạm đến”).

<sup>32</sup> Yêu cầu tăng cường sự phối hợp này được thực hiện trong Kế hoạch Hợp tác Hành động năm 2004 (xem Hoạt động 3c.2).

<sup>33</sup> Sự khác nhau về ý kiến liên quan đến cấp quản lý của Hạt Kiểm lâm Vũ Quang, trực thuộc Ban quản lý VQG Vũ Quang, hiện nay chưa được Chi cục Kiểm Lâm chấp nhận, sẽ được giải quyết trong giai đoạn Khởi động như là một điều kiện tiên quyết để hỗ trợ kinh phí cho một số hạng mục trong kế hoạch hoạt động năm thứ nhất.

cách đối thoại giữa các quan chức Hải quan Việt nam và hải quan Lào và với sự hỗ trợ của TRAFFIC, và làm cơ sở cho các quy chuẩn để thực hiện.

- Hoạt động 3c.5 Thực hiện thí điểm cơ chế lập kế hoạch quản lý rừng tổng hợp cấp sinh cảnh gắn liền với tất cả các loại rừng

Sự cần thiết phải mở rộng các chiến lược bảo tồn rừng xa hơn “ốc đảo” các khu bảo vệ thành cấp độ cảnh quan rộng lớn hơn đã rõ ràng. Tuy nhiên, luật đất đai và việc phân loại đất hiện nay gây khó khăn để thực hiện các hoạt động bảo tồn ngoài phạm vi các khu bảo vệ (v.d nỗ lực của dự án Pù Mát là mở rộng các quy định về bảo tồn trên cấp độ sinh cảnh rộng lớn hơn để bảo vệ đàn voi không được ủng hộ<sup>34</sup>). Trong thực tế, toàn bộ khái niệm về một hành lang rừng vượt ra khỏi việc phân loại đất hiện nay.

Việt Nam đã thực thi các chương trình giao đất lâm nghiệp và trồng rừng nhưng những chương trình này đã không gắn kết với việc mở rộng các nguyên tắc bảo tồn vào các khu rừng sản xuất. Cần phải có một cách tiếp cận tổng hợp về quản lý đất rừng sản xuất và phong hộ, trong đó các cộng đồng địa phương được tham gia sâu rộng hơn vào thực thi lập kế hoạch bảo tồn trên cả đất lâm nghiệp và nông nghiệp. Một hệ thống lập kế hoạch lâm nghiệp như vậy hoàn toàn phù hợp với việc phân cấp trách nhiệm lập kế hoạch cho các xã.

- Hoạt động 3c.6. Xây dựng chiến lược bảo tồn cấp sinh cảnh các loài động thực vật nguy cấp thông qua sự tham gia của nhiều bên liên quan.

Bảo tồn các loài không nên hạn chế trong phạm vi các khu bảo vệ và cần phải được mở rộng trên toàn bộ sinh cảnh như là một phần trong chiến lược quản lý rừng tổng thể và dựa vào cộng đồng. Các cộng đồng địa phương sẽ tham gia xây dựng và thực thi các kế hoạch hành động cho các loài nguy cấp của khu vực (đáng chú ý là sao la, mang lớn, voi, voọc ngũ sắc, công Việt Nam, hồng hoàng và rùa). Các chương trình điều tra cơ bản và điều tra tiếp sẽ được thực hiện để xác định kế hoạch hành động (xem Hoạt động 1.3), sẽ được gắn liền với thực thi kiểm soát chặt chẽ săn bắn và buôn bán động vật hoang dã và kéo theo sự tham gia của các bên liên quan tại địa phương và cấp tỉnh phối hợp để xây dựng các chỉ số cho các hành động và giám sát kết quả của các hoạt động bảo tồn.

### 4.3 Lịch trình thực hiện

Dự án đề xuất sẽ được thực hiện trong 5 năm. Sáu tháng đầu hoạt động của sẽ dự án sẽ được xem như là Giai đoạn khởi động, xác định vị nội dung và vị trí của thể của mỗi hoạt động của dự án và vạch ra lịch trình cụ thể cho việc thực thi. Các nghiên cứu cơ sở cụ thể (nhất là buôn bán gỗ và động vật hoang dã trái phép) sẽ được thực hiện trong giai đoạn khởi động sử dụng các tư vấn của các tổ chức phi chính phủ và quốc tế.

Kết quả của giai đoạn khởi động là xây dựng Kế hoạch hoạt động tổng thể và Kế hoạch hoạt động năm thứ nhất, đó là cơ sở cho tài liệu dự án. Kế hoạch hoạt động hàng năm sẽ xác định **Các điều kiện và Chỉ số** phải được nhà tài trợ và cơ quan thực thi phê duyệt trước khi triển khai kế hoạch hoạt động (xem phần trong hộp dưới đây).

Sáu tháng cuối cùng của dự án sẽ dành vào việc giảm dần các hoạt động, chuyển giao trách nhiệm cho các đối tác của dự án và hoàn thành các báo cáo của dự án.

<sup>34</sup> Grieser Johns, A. 2002, Kế hoạch hành động bảo tồn thú lớn ở Vườn quốc gia Pù Mát. Dự án SFNC, Vinh.

**Các điều kiện và Chỉ số** xác định các hành động đã được thống nhất cần phải được các bên tham gia thực hiện để tạo ra môi trường thuận lợi nhằm đạt được các mục tiêu của dự án. Các điều kiện hoặc chỉ số sẽ được áp dụng cả ở cấp vĩ mô và vi mô. Chi tiết sẽ được xây dựng trong giai đoạn Khởi động Dự án và sẽ được đề cập trong các chính sách và biện pháp thực hiện của các cơ quan ban ngành Hà Tĩnh giai đoạn tiền dự án.

- Hoạt động vi mô có thể bao gồm cam kết của tỉnh thực thi và cấp ngân sách cho các hoạt động ví dụ như các hoạt động theo Chỉ thị số 12/2003 của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/12/2004, hoặc đặt các quy định cụ thể tại các cửa khẩu để tăng cường việc tuân thủ các hiệp ước thương mại quốc tế như CITES, hoặc thôi không cho phép quản lý và xác định chỉ tiêu khai thác hàng năm trực tiếp cho các Lâm trường quốc doanh. Các hoạt động vi mô phản ánh thực tế rằng tất cả các vấn đề ảnh hưởng đến thành công của dự án có thể được giải quyết chỉ trong phạm vi vùng dự án.
- Các biện pháp cấp vi mô sẽ bao gồm biện pháp xác định các điều kiện hỗ trợ tài chính và các lợi ích của dự án dành cho xã và hộ liên quan đến việc tuân thủ các mục tiêu bảo tồn (một ví dụ của loại thoả ước này ở cấp xã được trình bày trong Phụ lục 2).

#### **4.4 Vị trí**

Dự án ban đầu sẽ được thực hiện ở huyện Hương Sơn và Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh. Vào năm thứ ba của dự án, dựa trên thành công của các hoạt động ở hai huyện này, phạm vi hoạt động có thể được mở rộng sang huyện Hương Khê, ở đó các hoạt động mở rộng sang hành lang xanh giữa tỉnh Quảng Bình và Nghệ An.

#### **4.5 Khung lô gíc**

Khung lô gíc của dự án được trình bày trong Phụ lục 1. Khung lô gíc sẽ được cập nhật hoặc sửa đổi trong Kế hoạch hoạt động tổng thể của Dự án, sẽ được hoàn chỉnh vào cuối Giai đoạn Khởi động.



## 5. CHI TIẾT VỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

### Lưu ý. Hình thức hoạt động tiền dự án

Công việc xây dựng dự án sẽ do Ban xây dựng dự án thực hiện, Ban dự án sẽ được UBND Tỉnh Hà Tĩnh thành lập vào cuối năm 2005 trên cơ sở vật chất và một số cán bộ từ Dự án BCHT hiện nay. Ban xây dựng dự án hoạt động bằng nguồn ngân sách của Tỉnh, sẽ chịu trách nhiệm xây dựng đề xuất dự án và làm việc với các cơ quan ban ngành liên quan để thuyết trình về đề xuất dự án.

### 5.1 Hình thức thực thi dự án

Chính phủ sẽ quyết định Cơ quan chủ quản dự án trong quá trình thẩm định dự án. (Vi hiện nay tỉnh có quyền ký hợp đồng trực tiếp với các tổ chức tài trợ đối với các dự án lên đến 40 triệu đô la Mỹ, có thể không cần phải có Cơ quan chủ quản và dự án được thực hiện trực tiếp giữa nhà tài trợ và Cơ quan thực thi của Tỉnh.)

### 5.2 Các cơ quan thực thi dự án

Cơ quan thực thi dự án sẽ là UBND Tỉnh Hà Tĩnh với sự hỗ trợ của các sở ban ngành liên quan.

### 5.3 Ban điều hành dự án

Ban điều hành dự án sẽ được thiết lập ở cấp tỉnh và có đại diện của cấp trung ương.

Ban điều hành dự án sẽ do UBND Tỉnh Hà Tĩnh làm trưởng ban và trong đó bao gồm các thành viên (tùy thuộc vào sự quyết định của Chính phủ/Cơ quan chủ quản): đại diện của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và ĐT và Bộ tài chính; đại diện của Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và ĐT, Sở Tài nguyên và MT và Chi cục Kiểm Lâm (có thể cũng bao gồm Sở.. và Sở Lao động thương binh và Xã hội). Giám đốc dự án sẽ đóng vai trò như là Thư ký cho Ban điều hành dự án. Đại diện các nhà tài trợ sẽ được mời dự các cuộc họp của Ban điều hành dự án và có quyền phát biểu.

### 5.4 Ban quản lý dự án

#### 5.4.1 Cán bộ và chức năng hoạt động

Ban quản lý dự án<sup>35</sup> sẽ do một Giám đốc dự án (người Việt Nam) tại thị trấn Hà Tĩnh đứng đầu (phần 4.4.2). Giám đốc Dự án sẽ do UBND Tỉnh Hà Tĩnh bổ nhiệm (Cơ quan thực thi).

Ngoài ra, những cán bộ sau sẽ cơ quan thực thi biệt phái hoặc hợp đồng cho Ban quản lý dự án (PMU):

- Điều phối viên
- 01 Kế toán trưởng và 02 kế toán viên

<sup>35</sup> Bộ máy và Cơ sở vật chất hiện nay của Ban quản lý dự án BCHT có thể được sử dụng trong giai đoạn Khởi động dự án (sẽ được đánh giá lại sau), tùy thuộc vào khả năng tiếp tục tồn tại của Bộ máy Ban quản lý BCHT tại thời điểm thực hiện dự án.

- 01 Trưởng bộ phận giám sát và đánh giá và 02 cán bộ GS&ĐG
- 02 cán bộ hành chính
- 02 cán bộ hỗ trợ (phiên dịch, lái xe)

Một đội hỗ trợ Kỹ thuật (bao gồm chuyên gia quốc tế và dài hạn) sẽ hỗ trợ Ban quản lý dự án trong các nhiệm vụ được mô tả dưới đây (phần 4.4.3).

Hỗ trợ kỹ thuật dài hạn (tuyển dụng thông qua quảng cáo trên báo trung ương và mang tính cạnh tranh) cũng sẽ được tuyển dụng cho các nhiệm vụ cụ thể dưới đây (phần 4.4.4).

Ban quản lý dự án (PMU) có quyền chủ động thực thi kế hoạch hoạt động và giải ngân đã được phê duyệt bao gồm các khía cạnh kỹ thuật, hành chính, tài chính và nhân sự liên quan đến công tác điều phối, thực thi và quản lý dự án.

Ban quản lý dự án (PMU) có các nhiệm vụ chính sau đây:

- Xây dựng Kế hoạch hoạt động lần đầu (KHHĐ) (bao gồm các điều kiện hoặc chỉ số cụ thể) và các KHHĐ tiếp theo và các tài liệu khác để Cơ quan chủ quản, Ban điều hành dự án và nhà tài trợ phê duyệt.
- Đảm bảo quản lý có hiệu quả công tác tài chính, nhân sự và hành chính.
- Thực hiện các hoạt động như đã được Cơ quan chủ quản và nhà tài trợ phê duyệt.
- Hỗ trợ kỹ thuật và kỹ năng lập kế hoạch cho các cán bộ thực thi và các bên tham gia.
- Thực hiện một hệ thống GS&ĐG và hệ thống báo cáo phù hợp.

#### 5.4.2 Giám đốc dự án

PMU sẽ do Giám đốc dự án Việt Nam đứng đầu, do Cơ quan thực thi dự án bổ nhiệm và được Cơ quan chủ quản dự án (và nhà tài trợ) phê duyệt. Giám đốc dự án phải có năng lực quản lý và sẽ đóng vai trò như là Thư ký của Ban điều hành dự án.

Giám đốc dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm về các hoạt động dự án và hoạt động của PMU. Giám đốc dự án chịu trách nhiệm trước Cơ quan chủ quản và Cơ quan thực thi dự án về thực hiện các kết quả dự án đúng tiến độ và sử dụng có hiệu quả và rõ ràng nguồn tài chính và cán bộ của dự án.

Chức năng nhiệm vụ của Giám đốc Dự án được trình bày trong **Phụ lục 3**.

#### 5.4.3 Hỗ trợ kỹ thuật

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật sẽ hỗ trợ Cơ quan thực thi dự án và Giám đốc dự án trong thực thi dự án. Nhóm bao gồm những vị trí sau:

- 01 Cố vấn trưởng (quốc tế). 60 tháng bao gồm cả nghỉ phép.

Cố vấn trưởng sẽ hỗ trợ Giám đốc dự án trong xây dựng kế hoạch và ngân sách và báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Chính phủ và nhà tài trợ. Cố vấn trưởng cũng sẽ chịu trách nhiệm giải trình kế hoạch hoạt động và ngân sách, báo cáo, thủ tục đấu thầu, mời thầu, soạn thảo hợp đồng và đề xuất giải ngân từ tài khoản của dự án. Cố vấn trưởng

sẽ giám sát và đảm bảo sự thống nhất của quá trình thực hiện dự án và tính thống nhất của nó với các tài liệu dự án, quy định của chính phủ và của các nhà tài trợ.

- 01 Chuyên gia (quốc tế) về kinh tế nông nghiệp, 60 tháng bao gồm cả phép.

Chuyên gia kinh tế nông nghiệp sẽ chịu trách nhiệm cho các can thiệp của Hợp phần 2 của Dự án.

- 01 Chuyên gia (quốc tế) về Quản lý rừng cộng đồng và Bảo tồn đa dạng sinh học, 60 tháng bao gồm cả phép.

Chuyên gia quản lý rừng cộng đồng và Bảo tồn đa dạng sinh học sẽ chịu trách nhiệm về các can thiệp của Hợp phần 3 của dự án.

- 01 Điều phối viên đào tạo (Việt Nam), 60 tháng bao gồm cả phép.

Điều phối viên đào tạo chịu trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động đào tạo và nâng cao năng lực nhằm đạt được các mục tiêu của dự án.

Chức năng nhiệm vụ của 3 vị trí dài hạn được trình bày trong **Phụ lục 4**.

Ngoài ra, 40 tháng tư vấn quốc tế ngắn hạn sẽ được cung cấp, trong đó 8 tháng cho tư vấn hành chính tài chính. Một số đầu vào chuyên gia dự kiến: đánh giá chương trình tín dụng, sản xuất lâm sản phi gỗ tại chỗ, hệ thống canh tác bảo tồn, lập kế hoạch và tài chính bền vững cho các khu bảo vệ, chứng chỉ gỗ và lâm sản phi gỗ, marketing cho các sản phẩm đã được cấp chứng chỉ, kiểm soát buôn bán quốc tế và xây dựng năng lực cho các cơ quan hải quan (phù hợp với chương trình hiện đại hoá hải quan của Chính phủ).

#### *5.4.4 Hỗ trợ kỹ thuật ngắn hạn trong nước*

Ngoài còn dành 60 tháng cho hỗ trợ tư vấn trong nước do Dự án ký hợp đồng từ nguồn chuyên gia trong nước cấp trung ương. Đầu vào chuyên gia dự kiến sẽ thuộc các chuyên môn sau: lập kế hoạch sử dụng tài nguyên, hệ thống nông nghiệp vùng cao và nông lâm kết hợp, marketing, GIS, phân tích dữ liệu và hệ thống giám sát.

### **5.5 Chi phí dự kiến của dự án**

Tổng chi phí của dự án được phân bổ theo hợp phần và tiểu hợp phần.

**Bảng 5.1** Ngân sách dự kiến

	<i>Hạng mục</i>	<i>Chi phí theo hợp phần (\$)</i>					<i>TỔNG (\$)</i>
		<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3a</i>	<i>3b</i>	<i>3c</i>	
1	HỖ TRỢ KỸ THUẬT						2,700,000
2	DỊCH VỤ						1,200,000
2.1	Hỗ trợ kỹ thuật ngắn hạn						
2.2	Cán bộ biệt phái của chính phủ						
2.3	Giám sát và đánh giá						
2.4	Kiểm toán						
2.5	Đào tạo						
3.	TRANG THIẾT BỊ						700,000
3.1	Thiết bị						
3.2	Xe cộ						
4.	CHI PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN	700,000	2,000,000	1,200,000	750,000	600,000	5,250,000
5.	CHI PHÍ TÁC NGHIỆP DỰ ÁN						1,500,000
5.1	Cán bộ hỗ trợ cấp huyện						
5.2	Chi phí hoạt động của PMU						
5.3	Phụ cấp						
5.4	Xăng xe, đồ dùng mau hỏng						
6.	NGUỒN TÀI TRỢ						200,000
7.	THÔNG TIN						250,000
8.	DỰ PHÒNG						Not included
	<b>TỔNG</b>						<b>11,800,000</b>

**Bảng 5.2** Ngân sách dự kiến phân bổ theo từng hợp phần (ngân sách cho từng hợp phần)

	<i>Hạng mục</i>	<i>Chi phí theo hợp phần (\$)</i>				<i>TỔNG (\$)</i>
		<i>2</i>	<i>3a</i>	<i>3b</i>	<i>3c</i>	
1	HỖ TRỢ KỸ THUẬT	1,200,000	1,125,000	175,000	200,000	2,700,000
2	DỊCH VỤ	450,000	250,000	250,000	250,000	1,200,000
2.1	Hỗ trợ kỹ thuật ngắn hạn					
2.2	Cán bộ biệt phái của chính phủ					
2.3	Giám sát và đánh giá					
2.4	Kiểm toán					
2.5	Đào tạo					
3.	TRANG THIẾT BỊ	300,000	200,000	100,000	100,000	700,000
3.1	Thiết bị					
3.2	Xe cộ					
4.	CHI PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN	2,300,000	1,350,000	850,000	750,000	5,250,000
5.	CHI PHÍ TÁC NGHIỆP DỰ ÁN	600,000	300,000	300,000	300,000	1,500,000
5.1	Cán bộ hỗ trợ cấp huyện					
5.2	Chi phí hoạt động của PMU					
5.3	Phụ cấp					
5.4	Xăng xe, đồ dùng mau hỏng					
6.	NGUỒN TÀI TRỢ	200,000				200,000
7.	THÔNG TIN	100,000	50,000	50,000	50,000	250,000
8.	DỰ PHÒNG					Chưa bao gồm
	<b>TỔNG</b>	<b>5,150,000</b>	<b>3,275,000</b>	<b>1,725,000</b>	<b>1,650,000</b>	<b>11,800,000</b>

## **PHỤ LỤC**

## PHỤ LỤC 1. KHUNG LỘ GÍC

Cấu trúc Dự án	Chỉ số xác minh khách quan	Các công cụ thẩm tra	Các giả thiết và trở ngại
<p><b>Mục tiêu</b></p> <p>Góp phần hài hoà đời sống cộng đồng với việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên ở dãy núi Bắc Trường Sơn</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Cải thiện đời sống xã hội (vd: giảm nghèo so với số lượng quốc gia và các tiêu chuẩn về số lượng).</li> <li>▪ Cải thiện công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Các phép đo về an toàn lương thực, thu nhập ....</li> <li>▪ Các báo cáo về môi trường hàng năm của NEA-MONRE cho Quốc Hội.</li> <li>▪ Các báo cáo trong nước về bảo tồn đa dạng sinh học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Các hoạt động thương mại phi pháp đối với tài nguyên thiên nhiên có thể được giám sát bởi các hoạt động của chính phủ và của Đảng.</li> </ul>
<p><b>Mục đích</b></p> <p>Các điều kiện được thiết lập do đó cộng đồng dân cư có cơ hội lớn để cải thiện đời sống phù hợp với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và kết hợp quản lý rừng trong các vùng bảo vệ và không được bảo vệ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tăng độ che phủ của rừng và các vùng được chứng nhận là rừng</li> <li>▪ Tăng sự đóng góp của các khu vực rừng đối với việc phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo.</li> <li>▪ Tăng cường năng lực trong việc kết hợp giữa rừng sản xuất, rừng bảo vệ và bảo tồn với chiến lược quản lý tổng thể sinh cảnh...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Thông kế độc lập sự che phủ của rừng tự nhiên và các ảnh vệ tinh.</li> <li>▪ Thông kê kinh tế xã hội của tỉnh.</li> <li>▪ Đánh giá các lợi ích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Đề trình chính phủ chiến lược phát triển rừng.</li> <li>▪ Cộng đồng tham gia các hòa động và sẵn sàng để thay đổi phương thức sử dụng tài nguyên<sup>36</sup></li> </ul>
<p><b>Kết quả</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ % of các hoạt động trong Kế hoạch hoạt động hàng năm được thực hiện.</li> <li>▪ Phân tích các bên liên quan.</li> <li>▪ Sự phân chia về số lượng và giới của các bên tham gia với kết quả đạt được là nâng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hệ thống thông tin quản lý.</li> <li>▪ Các báo cáo tiến độ.</li> <li>▪ Các chứng nhận về đào tạo và TNAs.</li> </ul>	
<p><b>Hợp phần 1.</b></p> <p>Các hệ thống được thiết lập, các thể chế và nhân lực được phát triển hơn nữa</p>			

<sup>36</sup> Một thành công cụ thể của dự án BCHT là đã tạo ra được không khí tham gia tích cực của người dân trong các hoạt động của dự án, điều này làm giảm thiểu được các mối nguy hiểm này.

### Hợp phần 2.

Các cách tiếp cận phát triển nhằm xóa đói giảm nghèo thí điểm, tập trung vào nâng cao đời sống cộng đồng thông qua các cơ hội canh tác lâm nghiệp, các sản phẩm phi gỗ và bảo tồn

### Hợp phần 3.

Quản lý rừng ở mức độ sinh cảnh được triển khai nhằm liên kết các cách tiếp cận bảo vệ rừng, bảo tồn và sản xuất

3.a Tăng cường công tác quản lý rừng dựa vào cộng đồng

cao năng lực.

- Mức sống của 10,000 hộ gia đình được cải thiện thông qua các kỹ thuật canh tác lâm nghiệp và bảo tồn.
- Số vụ vi phạm vào rừng được giảm.
- Tăng nhu cầu mua bán sản phẩm phi gỗ.
- Giảm diện tích đất bị thoái hoá..
- 20,000 ha đất dốc được sử dụng kỹ thuật canh tác bảo tồn đất đã được Sở nông nghiệp nông thôn thông qua.
- Số lượng các nông dân thành lập các công ty /hợp tác xã nhỏ dựa vào các sản phẩm tự nhiên (khuyến khích sự tham gia của phụ nữ).

- Chia (chia lại) và phân loại đất rừng cho các hộ gia đình theo cách rõ ràng (tuân thủ các thủ tục trong Sổ tay lâm nghiệp FSSP).
- 150 cộng đồng dựa vào các thỏa thuận thuận được lập trong các vùng thí điểm..
- Chia cho cộng đồng tổng diện tích rừng sản xuất so với diện tích đã được dự án xác nhận.
- Quản lý đa sử dụng các vùng rừng đặc dụng đã được phân

- Thống kê nông nghiệp của tỉnh và huyện.
- Thông kê các vi phạm lâm nghiệp của tỉnh.
- Các số liệu của trung tâm xúc tiến thương mại (gender division).

- Cẩm nang ngành lâm nghiệp của Dự án Hỗ trợ ngành lâm nghiệp.
- Các số liệu thống kê chia đất.
- MUZs bao gồm các vùng được bảo vệ.
- Các thỏa thuận đa sử dụng.

- Cấp huyện và xã không có khả năng để duy trì các trung tâm và các dịch vụ hỗ trợ khác trong các vùng xa vì những trợ ngại trong điều hành.
- Nền tảng tài nguyên rừng tiếp tục bị thoái hóa vì các nhà chức trách thiếu kiến thức môi trường và không có khả năng bảo vệ rừng và thi hành luật.

- Sở NN và PTNT/ Sở Tài nguyên môi trường và công ty dịch vụ lâm nghiệp Hương sơn (và các công ty khác ?) cam kết thực hiện việc giao đất lâm nghiệp.
- Thuế và các chính sách thúc đẩy các lâm trường.
- Quyết định 08 đã bổ sung cho phép các ban quản lý tiến hành các thỏa thuận cùng quản lý các vùng



<p>3.b Xác nhận sản phẩm lâm nghiệp tại các công ty hoặc tại hộ gia đình.</p>	<p>cho hộ gia đình trong và gần kề với các vùng bảo vệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Công ty dịch vụ lâm nghiệp HS đạt được Chứng nhận rừng vào năm 2008.</li> <li>▪ Khoảng 50% số hộ gia đình đã đăng ký sẽ có được chứng nhận rừng vào năm 2010</li> <li>▪ Kế hoạch tài chính của các dịch vụ chứng nhận đã được xác định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Các báo cáo chứng chỉ rừng.</li> </ul>	<p>rừng đặc dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Các chính sách của Chính phủ tạo ra môi trường bền vững cho việc cấp chứng chỉ.</li> <li>▪ Các hộ gia đình được hỗ trợ để hoạt động độc lập.</li> </ul>
<p>3.c Kết hợp kế hoạch quản lý rừng như một phần đóng góp vào việc thiết lập một vành đai trong nước và liên quốc gia ở dãy núi Bắc trường Sơn</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Kết hợp chiến lược/kế hoạch quản lý rừng được các nhà chức trách phê duyệt.</li> <li>▪ Thực hiện đánh giá tác động môi trường phát triển cơ sở hạ tầng trong các vùng vành đai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Các báo cáo và số liệu thống kê của Sở kế hoạch đầu tư.</li> <li>▪ Các báo cáo Đánh giá tác động môi trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Kế hoạch phát triển của tỉnh (VD: tái định cư, xây dựng giao thông, vvv) không mâu thuẫn với các giá trị bảo tồn và sự kết hợp với vùng vành đai.</li> <li>▪ Chính phủ và các dự án nước ngoài hỗ trợ để liên kết các hoạt động trước đây ở vành đai như Quảng Bình, Nghệ An và CHDCND Lào.</li> </ul>

Các hoạt động	Các đầu vào				
1. Các hệ thống được thiết lập, các thể chế và nhân lực được phát triển hơn nữa	Loại	Đóng góp của nhà tài trợ (US\$)	Đóng góp của chính phủ (US\$)	TỔNG	(US\$)
1.1 Thiết lập tổ chức dự án và mạng lưới điều phối				2,700,000	
1.2 Sưu tầm thông tin về đất, các tài nguyên và tình trạng kinh tế xã hội trong vùng dự án để xác định các thiếu sót về dữ liệu	Hỗ trợ kỹ thuật			1,200,000	
1.3 Tiến hành các nghiên cứu bổ sung về đa dạng sinh học, đất và sử dụng tài nguyên (kể cả các hoạt động buôn bán lâm sản và động vật hoang dã trái phép), tình trạng kinh tế xã hội, vvv, để bổ sung các dữ liệu cơ bản đang tồn tại. <sup>37</sup>	Dịch vụ			700,000	
1.4 Tăng cường nghiên cứu và năng lực xử lý dữ liệu, cải thiện việc truy cập thông tin với các sở ban ngành liên quan và các cộng đồng địa phương	Trang thiết bị đồ dùng			5,250,000	
1.5 Hỗ trợ các bên liên quan về thông tin để trao đổi và giám sát các hoạt động sử dụng tài nguyên và các ảnh hưởng.	Chi phí thực thi			1,500,000	
1.6 Lập kế hoạch, giám sát và đánh giá các hoạt động Dự án, thực hiện các kế hoạch quản lý và sử dụng tài nguyên, và các tác động/ảnh hưởng của Dự án	Chi phí hoạt động của PMU			200,000	
1.7 Xác định vai trò và trách nhiệm của các bên tham gia liên quan trong các hoạt động bảo tồn và sử dụng tài nguyên.	Trợ cấp			250,000	
1.8 Phân tích năng lực quản lý và các nhu cầu đào tạo cho các nhà quản lý địa phương, các trung tâm và các nhóm/tổ chức địa phương có liên quan	Thông tin			chưa bao gồm	
1.9 Xác minh nhu cầu đào tạo và các kế hoạch nâng cao năng lực và thực hiện các kế hoạch đó,	Dự phòng			11,800,000	
1.10 kết hợp chặt chẽ các hoạt động của dự án với Bộ nông nghiệp và PT NN và Bộ tài nguyên môi trường và các tổ chức liên quan khác và xá bài học kinh nghiệm từ các tổ chức trong nước.	TỔNG				

<sup>37</sup> Một số dữ liệu cơ bản đã có từ Dự án BCHT (ví dụ các khảo sát đa dạng sinh học trong vùng dự án) các số liệu điều tra kinh tế xã hội ở một số vùng thuộc dự án IFAD.

<p>2. Các cách tiếp cận phát triển nhằm xóa đói giảm nghèo thí điểm, tập trung vào nâng cao đời sống cộng đồng thông qua các cơ hội canh tác lâm nghiệp, các sản phẩm phi gỗ và bảo tồn</p> <p>2.1 Xác định các thể mạnh và các điểm yếu của các hoạt động kinh tế tại cộng đồng địa phương.</p> <p>2.2 Đánh giá sự thành công và kinh nghiệm của các chương trình trước đó của Chính phủ và các dự án tài trợ trước đó ở vùng dự án.</p> <p>2.3 Xác định các nguồn tài chính hiện có và cơ chế tài chính cho các hoạt động phát triển ở cộng đồng địa phương.</p> <p>2.4 Phát triển, hỗ trợ mới và cải thiện các công cụ tài chính, dựa vào các nguồn chính phủ và các quỹ tín dụng hiện có.<sup>38</sup></p> <p>2.5 Đàm phán về các kế hoạch sử dụng tài nguyên (RUP) với các vùng được ưu tiên và đảm bảo sự phê duyệt của họ. (RUPs sẽ bao gồm cả các mục đích phát triển và mục đích bảo tồn và các hỗ trợ của dự án cho nông dân sẽ là dự phòng cho sau này.)</p> <p>2.6 Dựa vào Kế hoạch sử dụng tài nguyên rừng, phát triển và khuyến khích cải thiện hệ thống sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở cộng đồng địa phương. (tạo các cơ hội cho hộ gia đình để học tập kỹ thuật và các cơ sở vật chất, thiết bị, ... dựa vào giá trị của tài nguyên.)</p> <p>2.7 Tăng cường sản phẩm nông nghiệp và cơ chế tiếp thị đối với sản phẩm phi gỗ và các sản phẩm lâm nghiệp khác.</p> <p>2.8 Xác định và đẩy mạnh các hệ thống nông nghiệp đối với đất dốc mà đã được phân loại để bảo tồn.<sup>39</sup></p> <p>2.9 Nâng cao việc sử dụng tài nguyên và các thông tin canh tác nông nghiệp theo hướng bảo tồn và phổ biến tại cấp thôn.</p> <p>2.10 Đẩy mạnh việc trao đổi kiến thức giữa nông dân với nông dân.</p> <p>2.11 Tăng cường hình thành các doanh nghiệp/hợp tác xã theo mức hộ gia đình dựa vào việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững.</p>	<p>Phát triển và tăng cường cải thiện các hệ thống sử dụng tài nguyên và các xí nghiệp tư nhân (quản lý rừng, chè, khoáng sản)</p>	
--	--	--

<sup>38</sup> Quỹ tín dụng thành công là đã đảm bảo một phần nguồn vốn VND 2,300 triệu đã được dự án BCHT thiết lập.

<p>3. Quản lý rừng ở mức độ sinh cảnh được triển khai nhằm liên kết các cách tiếp cận bảo vệ rừng, bảo tồn và sản xuất</p> <p>3.a Tăng cường công tác quản lý rừng dựa vào cộng đồng</p> <p>3.a.1 Xem xét lại các kinh nghiệm về quản lý rừng dựa vào cộng đồng từ các mô hình thí điểm đã áp dụng trong vùng dự án.</p> <p>3.a.2 Tăng cường cơ chế quản lý để cải thiện mối quan hệ hợp tác giữa các tổ chức chính phủ có trách nhiệm với công tác bảo vệ rừng và của cộng đồng địa phương.</p> <p>3.a.3 Nâng cao hiểu biết và nhận thức cho người dân địa phương về công tác quản lý và bảo vệ rừng.</p> <p>3.a.4 Chia đất rừng cho cộng đồng và hộ gia đình theo thỏa thuận hợp tác quản lý.</p> <p>3.a.5 Tiếp tục sử dụng bền vững theo các giới hạn và hệ thống giám sát chia đất.</p> <p>3.a.6 Hỗ trợ rừng sản xuất, đặc biệt là Sản phẩm phi gỗ như đã đề ra trong kế hoạch sử dụng bền vững.</p> <p>3.a.7 Mở rộng và thực hiện Kế hoạch Quản lý cho Vườn quốc gia Vũ Quang để phối hợp việc sử dụng tài nguyên thiên ở MUZs (đối với hộ gia đình trong vùng và gần kề với vùng được bảo vệ).</p>		
--	--	--

<sup>39</sup> Hệ thống phân loại chi tiết sẽ sớm được thực hiện trong giai đoạn đầu của dự án.

<p>3.b Chứng nhận rừng sản xuất tại các hộ gia đình và các HTX/doanh nghiệp</p> <p>3.b.1 Tổ chức tư vấn chính xác và hỗ trợ các tiêu chuẩn đánh giá để đạt được các kết quả trong quá trình quản lý lâm nghiệp bền vững mà được yêu cầu cho công việc xác nhận.</p> <p>3.b.2 Nghiên cứu các cơ hội thị trường cho các sản phẩm được xác nhận nguồn gốc và hỗ trợ thiết lập một thị trường.</p> <p>3.b.3 Thiết lập mối quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế và trong nước để hỗ trợ tài chính và kỹ thuật. (e.g. TFT, FSC).</p>		
<p>3.c Kết hợp kế hoạch quản lý rừng như một phần đóng góp vào việc thiết lập một vành đai trong nước và liên quốc gia ở dãy núi Bắc Trường Sơn</p> <p>3.c.1 Rút kinh nghiệm từ các dự án vành đai xanh trong và ngoài nước áp dụng cho vùng dự án.</p> <p>3.c.2 Bước đầu đàm phán với Quảng Bình và Nghệ An liên quan đến các mối quan hệ trong nước và với 2 dự án ở Nakai Nam (Lào) chung đường biên giới.</p> <p>3.c.3 Tăng cường các cơ chế bảo vệ của các tram/hạt kiểm lâm (đáp ứng các chỉ thị 12, 1021 của Chính phủ) để giảm thiểu tình trạng buôn bán bất hợp pháp qua biên giới. (tập trung vào việc phối kết hợp với Biên phòng, công an và bộ đội với Kiểm lâm, Ban quản lý rừng và các chủ rừng khác)</p> <p>3.c.4 Phối hợp với TRAFFIC, tăng cường trách nhiệm của các nhà lãnh đạo ở đường biên trong việc tuân thủ các Hiệp định thương mại quốc tế mà Việt nam và CHDCND Lào đã tham gia ký kết.</p> <p>3.c.5 Mô hình thí điểm đã kết hợp với các cơ chế lập kế hoạch rừng ở mức độ cảnh quan cần phải phối hợp với tất cả loại rừng.</p> <p>3.c.6 Xây dựng các chiến lược bảo tồn cấp sinh cảnh cho các loài động thực vật nguy cấp thông qua sự tham gia của nhiều bên liên quan.</p>		

## PHỤ LỤC 2

### VÍ DỤ VỀ CÁC QUY ĐỊNH ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ THIẾT LẬP CÁC ĐIỀU KIỆN NHẬN KINH PHÍ HỖ TRỢ CẤP XÃ<sup>40</sup>

#### A. Điều kiện tiên quyết đối với đối tượng nhận kinh phí hỗ trợ

Dưới đây là các tiêu chuẩn bảo tồn cần phải có sự thống nhất của các xã để thực hiện trước khi nhận kinh phí hỗ trợ của dự án TDMP căn cứ theo kế hoạch hoạt động năm.

1. Nhất trí hợp tác với quá trình quy hoạch RUP của dự án TDMP để xác định và cắm cột mốc ranh giới giữa các xã và VQGTD. Các hoạt động trong kế hoạch xác định ranh giới và được xem là đóng góp tích cực cho bảo tồn được nêu trong phần B dưới đây.
2. Động vật hoang dã và cây cảnh nuôi giữ bất hợp pháp( phong lan...) tại các hộ gia đình trong xã cần phải bàn giao cho cơ quan chức năng liên quan chậm nhất là trong tháng 3 năm 2005. Bao gồm cả các loài bò sát, lưỡng cư, thú, chim, chỉ trừ một số loài mà các hộ nuôi chim giống đã đăng ký. Dù các cây cảnh đó có nguồn gốc từ đâu và chủ nhân không chứng minh được nguồn gốc là tự nhân ra đều phải bàn giao hết. Việc chuyển các cơ sở nuôi giữ động vật hoang dã và cây cảnh sang hoạt động khác hợp pháp được coi là hành động tích cực đóng góp cho bảo tồn.
3. Phải đăng ký với cơ quan Kiểm lâm các loài động vật cây cảnh đang nuôi giữ tại xã. Chủ nhân phải chấp hành đúng quy định của ngành Kiểm lâm đối với việc nuôi gấu có đăng ký và bao gồm cả việc cấm bán mật gấu.
4. Tất cả các mẫu côn trùng phục vụ thương mại cần phải bàn giao. Các xã cần thực hiện việc cấm săn bắt và buôn bán côn trùng.

Việc không tuân thủ bất kỳ một điều kiện nào trên đây sẽ dẫn đến việc mất nguồn hỗ trợ kinh phí cho địa phương từ Dự án Quản lý VQG Tam Đảo.

#### B. Các hoạt động bảo tồn tích cực cần có trong kế hoạch hoạt động năm

Dưới đây là danh mục các hoạt động được coi là bảo tồn tích cực và do vậy sẽ coi là nằm trong mức tối thiểu 30% kinh phí dành cho hoạt động bảo tồn đối với mỗi đơn vị thực hiện khoản kinh phí hỗ trợ của dự án TDMP. Các hoạt động bảo tồn tích cực khác cũng có thể bổ sung vào kế hoạch hoạt động năm.

1. Tái sinh rừng tự nhiên. Bao gồm cả việc phá bỏ những loài cây nhập ngoại và trồng cây bản địa thay thế, trồng cây bản địa thay thế cây nhập ngoại đã quá già, trồng cây tại các vùng bị cháy hoặc các nương rẫy bằng cây rừng tự nhiên.
2. Xác định ranh giới VQG. Bao gồm cả các cuộc hội nghị và hội thảo để xác định đường ranh giới giữa VQG và các xã (Đạt kết quả cụ thể bằng thoả thuận về đường ranh giới), đánh dấu ban đầu đường ranh giới, trình bày với cơ quan Địa chính các bước giải quyết các mâu thuẫn xung đột, xác định ranh giới cố định trên bản đồ. hoạt động này cần phối hợp nhóm RUP của dự án TDMP.

---

<sup>40</sup> Dự án tham khảo ví dụ này từ Dự án quản lý Vườn quốc gia Tam Đảo và vùng đệm do GTZ tài trợ, hoạt động từ tháng 10 năm 2003 đến tháng 10 năm 2006 (giai đoạn 1). Các quy định được sử dụng ở đây như một ví dụ đã được dự án thực hiện từ đầu năm 2005.

3. Sự tham gia của các cộng đồng trong hoạt động bảo vệ rừng và đa dạng sinh học có liên quan việc thực hiện Quyết định 12 ( Lực lượng chuyên trách trong ngành tăng cường bảo vệ rừng và đa dạng sinh học) và Quyết định số 1012 (hoạt động liên quan tới việc kiểm soát động vật hoang dã)
4. Thành lập các Nhóm quản lý rừng dựa vào cộng đồng ( Nhóm sử dụng). Chi phí hội thảo để xây dựng các đề xuất đối với VQGTD về việc thực hiện quản lý rừng dựa vào cộng đồng nằm trong phần đề nghị vùng đa mục đích giữa cốt 100 m và 400m .
5. Thành lập các vùng trồng cây thay thế các loài lâm sản ngoài gỗ, cây thuốc... tại các vườn gia đình và trên đất nông nghiệp lâu dài hoặc đất rừng bên ngoài VQGTD hoặc vùng đất cần cỗi trong VQGTD trên cơ sở thoả thuận với VQG để tạo nên các thảm thực vật che phủ đa dạng và tăng thêm các cây trồng-đáp ứng nhu cầu của người dân mà hiện nay vẫn phải dựa vào rừng để khai thác.
6. Xây dựng các bếp đun cải tiến và lò sao chè tiết kiệm chất đốt
7. Quản lý dịch hại tổng hợp và sản xuất chè và rau sạch
8. Nuôi ong lấy mật
9. Chuyển vùng chè thành các vùng rừng đa mục đích, trồng hỗn giao cây bản địa và lâm sản ngoài gỗ
10. Chuyển đổi các cơ sở nuôi giữ động vật hoang dã, cây cảnh bất hợp pháp thành các cơ sở sản xuất mang tính bảo tồn tích cực. Ví dụ chuyển các cơ sở nuôi nhím, hoẵng, cây hoặc rắn thành nuôi thỏ, hươu.  
*(Ghi chú: Bàn giao các loài động vật, cây cảnh bị nuôi giữ bất hợp pháp là điều kiện tiên quyết để nhận sự hỗ trợ của dự án)*
11. Khôi phục các khu khai thác quặng thành rừng tự nhiên hoặc vườn rừng.
12. Xây dựng và thực hiện các kế hoạch du lịch và phát triển cơ sở hạ tầng có hướng dẫn bảo vệ môi trường rõ ràng để giảm thiểu tới mức tối đa tác động đối với môi trường, bảo đảm các chủ thể tham gia và giám sát được các hoạt động đó.
13. Các hoạt động du lịch thiên nhiên nhằm phát triển các hoạt động du lịch không huỷ hoại các vùng tự nhiên nhưng hướng vào thiên nhiên là một phần chủ yếu của du lịch (ví dụ như; đi bộ, quan sát chim, đi bộ sinh thái có hướng dẫn...)
14. Đánh giá tác động môi trường, các chương trình giáo dục môi trường và nâng cao nhận thức môi trường.

### **PHỤ LỤC 3.**

## **Chức năng nhiệm vụ: GIÁM ĐỐC DỰ ÁN**

Giám đốc dự án có những trách nhiệm sau:

1. Giám sát xây dựng kế hoạch hoạt động và ngân sách, đệ trình lên cấp cao hơn và các nhà tài trợ để phê duyệt.
2. Thực thi các hoạt động đã được Cơ quan chủ quản và nhà tài trợ phê duyệt.
3. Phê duyệt tất cả các hồ sơ thầu theo yêu cầu của Cơ quan chủ quản và nhà tài trợ đối với các hoạt động và mua sắm.
4. Ký kết tất cả các hợp đồng phục vụ cho các hoạt động của dự án.
5. Điều hành các khoản chi trả từ tài khoản của dự án, yêu cầu chuyển tiền từ các nguồn tài trợ và chịu trách nhiệm chung về quản lý tài khoản của dự án một cách hợp lý.
6. Đảm bảo các hoạt động của dự án được điều phối tốt, bổ sung cho các chương trình và dự án khác của Chính phủ. Đảm bảo rằng các cơ quan ban ngành sẽ tiếp nhận dần dần các hoạt động và chương trình của dự án theo đúng tiến độ giảm dần sự hỗ trợ của dự án.
7. Soạn thảo các báo cáo định kỳ trình bày chi tiết các khía cạnh kỹ thuật, tài chính và hành chính của các hoạt động dự án lên cấp cao hơn và các nhà tài trợ.
8. Monitoring the achievement of conditionalities and benchmarks agreed during project initiation and implementation. Discussing immediately with provincial authorities should concerns arise in the achievement of conditionalities or benchmarks. Informing the Executing Authority and donor/s concerning any unforeseen events or infra-structural development plans within the project area that might jeopardise the success of the project.
9. Đại diện cho dự án ở cấp quốc tế và cấp trung ương.



## **PHỤ LỤC 4.**

### **CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ: HỖ TRỢ KỸ THUẬT DÀI HẠN**

#### Cố vấn trưởng/Kinh tế nông nghiệp (quốc tế)

Cố vấn trưởng/Chuyên gia kinh tế nông nghiệp sẽ hỗ trợ Giám đốc Dự án trong các hoạt động chính như sau:

1. Hỗ trợ tất cả các công việc quản lý và thực hiện dự án, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật trong việc triển khai các hoạt động mới nếu cần thiết.
2. Hỗ trợ trong công tác phối kết hợp và chỉ đạo kỹ thuật các hoạt động dự án. Chịu trách nhiệm xây dựng báo cáo tiến độ hàng năm và kế hoạch hoạt động và ngân sách hàng năm. Đảm bảo các báo cáo và kế hoạch hoạt động này bám sát các điều kiện, chỉ số cần thiết để đạt được mục tiêu dự án.
3. Chịu trách nhiệm giải trình kế hoạch hoạt động và ngân sách, báo cáo, hồ sơ thầu, mời thầu, dự thảo hợp đồng và đề nghị thanh toán từ các tài khoản của dự án.
4. Giám sát tất cả các hoạt động của dự án và đảm bảo sự thống nhất trong quá trình thực hiện dự án và phù hợp với các văn kiện dự án, quy định của chính phủ và quy định của nhà tài trợ. .
5. Phát triển hệ thống thông tin quản lý (MIS) với hệ thống cơ sở dữ liệu cho công tác quản lý dự án và thông tin giám sát. Đảm bảo hệ thống MIS được xây dựng và thực hiện ngay khi dự án bắt đầu hoạt động.
6. Phối hợp với cán bộ dự án và các bên tham gia, tham gia tích cực vào việc thực hiện các hoạt động dự án liên quan đến Hợp phần 2 (cải thiện sinh kế) và đảm bảo các hoạt động được thực hiện phù hợp với nhu cầu của các bên tham gia và các đối tượng hưởng lợi.
7. Cung cấp đào tạo cho cán bộ dự án chịu trách nhiệm quản lý dự án và GS&ĐG, và giám sát các chương trình đào tạo chung do dự án triển khai. Đảm bảo cung cấp hỗ trợ kỹ thuật ngắn hạn nếu cần thiết.
8. Cùng với Giám đốc dự án thiết lập và duy trì mối quan hệ với các cơ quan ban ngành trung ương và tỉnh, và các tổ chức đào tạo trong khu vực và quốc tế và với các tổ chức phi chính phủ quan tâm đến cải thiện sinh kế và bảo tồn đa dạng sinh học, về việc cung cấp dịch vụ cho dự án.

#### Tư vấn kỹ thuật (quốc tế) về Quản lý rừng cộng đồng và bảo tồn đa dạng sinh học

Tư vấn kỹ thuật (quốc tế) về Quản lý rừng cộng đồng và bảo tồn đa dạng sinh học có những chức năng sau:

1. Cung cấp tư vấn kỹ thuật cho dự án về tất cả các vấn đề liên quan đến quản lý rừng và đa dạng sinh học ở vùng dự án.
2. Phối hợp với cán bộ dự án để xác định cơ chế quản lý phối hợp nhằm kết hợp cải thiện sinh kế với bảo tồn tài nguyên. Đảm bảo việc triển khai các phương thức quản

lý và việc áp dụng liên quan đến sự tham gia của tất cả các bên liên quan và đảm bảo các lợi ích đến được với nhóm mục tiêu. .

3. Hỗ trợ xác định phương thức để được cấp chứng chỉ lâm sản theo tiêu chuẩn của FSC hoặc các tiêu chuẩn khác và cùng với các cơ quan chứng chỉ rừng và giám sát thị trường cung cấp các lợi nhuận cho các chủ rừng để nâng cao hiệu quả quản lý.
4. Đảm bảo rằng việc cung cấp dịch vụ của dự án cho các mục tiêu bảo tồn và việc đạt được các mục tiêu này được giám sát hiệu quả. Hỗ trợ thiết kế điều tra cơ bản, hệ thống giám sát đa dạng sinh học và lập kế hoạch hành động cho một số loài chủ chốt.
5. Chịu trách nhiệm cụ thể về việc kéo theo sự tham gia của các cơ quan thực thi pháp luật vào việc nâng cao năng lực bảo vệ rừng và đa dạng sinh học và thực hiện việc xây dựng năng lực cho những cơ quan này nếu phù hợp.
6. Cùng với các cán bộ khác của dự án, xây dựng và duy trì quan hệ với các cơ quan cấp trung ương và tỉnh, và các tổ chức giáo dục trong khu vực và quốc tế và với các tổ chức phi chính phủ quan tâm đến cải thiện sinh kế và bảo tồn đa dạng sinh học về việc cung cấp dịch vụ cho dự án.

#### Điều phối viên đào tạo (Người Việt Nam)

Điều phối viên đào tạo (người Việt Nam) sẽ có những chức năng sau:

1. Xác định nhu cầu đào tạo thông qua quá trình có sự tham gia của các bên tham gia và các bên hưởng lợi, và sau đó xây dựng các kế hoạch đào tạo hàng năm, là một phần của kế hoạch hoạt động hàng năm.
2. Xác định các cơ quan đào tạo và các giảng viên, giám sát việc thực hiện hợp đồng các hoạt động đào tạo cần thiết, và giám sát việc thực hiện đào tạo và nâng cao năng lực.
3. Cùng với các cán bộ khác của dự án, xây dựng và duy trì quan hệ với các cơ quan cấp trung ương và tỉnh, và các tổ chức giáo dục trong khu vực và quốc tế và với các tổ chức phi chính phủ quan tâm đến cải thiện sinh kế và bảo tồn đa dạng sinh học về việc cung cấp dịch vụ cho dự án.

## **PHỤ LỤC 5. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Baltzer, M. *et al.* 2001. Towards a vision for biodiversity conservation in the forests of the Lower Mekong Ecoregion Complex. WWF-Indochina, Hanoi.
- BCHT. 2004. Strategy of environmental awareness. Prepared by Vinh University for BCHT Project, Ha Tinh province. October 2004.
- BCHT. 2004. Progress report: period April 2002 - December 2004. BCHT project, Ha Tinh province. December 2004.
- Bruner, A.G. *et al.* 2001. Effectiveness of parks in protecting tropical biodiversity. *Science* 291: 125-128
- CRES. 2004. Draft final report: Biodiversity conservation study on the north Truong Son mountain range (Huong Son district, Ha Tinh province). CRES, Hanoi.
- DANIDA. 2001. Project document: Biodiversity conservation in the north Truong Son mountain range. DANIDA, September 2001.
- DANIDA. 2003. Mid-term Review of the projects Biodiversity Conservation in the north Truong Son mountain range & Forest protection and watershed management in Nghe An province. Royal Danish Embassy, Hanoi.
- Danielsen, F. *et al.* 2000. A simple system for monitoring biodiversity in protected areas of a developing country. *Biodiversity and Conservation* 9: 1671-1705.
- DARD (Ha Tinh). 1998. Proposal for the organisation of implementation of the forest protection and plantation management plan, according to decision 661/TTg, dated 29/07/1998 of the Prime Minister (5 million hectare programme). DARD, Ha Tinh province, October 1998.
- DFID. 2001. Living off biodiversity: exploring livelihoods and biodiversity issues in natural resources management. DFID, London.
- DFID. Updated. Sustainable livelihood guidance sheets. DFID, London, UK.
- Eve, R. *et al.* 1998. Vu Quang Nature Reserve; A Link in the Annamite Chain. WWF-Indochina, Hanoi.
- Forestry Department of Lao PDR & Forest Protection Department of Vietnam. 2004. Cooperation Action Plan between Ha Tinh and Quang Binh provinces of Vietnam and Bolykhamxay and Khammoune provinces of Lao on control of illegal exploitation. Hunting, trade and transport of wild animals and plants across the international borders, 2005-2010. Ha Tinh, November 2004.
- Gilmour, D.A. & Nguyen Van San. 1999. Buffer zone management in Vietnam. IUCN & Forest Protection Department, Hanoi.
- Government of Vietnam. 2001. Orienting plan for priority programmes of environmental protection 2001 - 2005: specific actions for the period 2001-2005 of the National Strategy of Environmental Protection 2001-2010). Hanoi, 2001

- Government of Vietnam. 2003. Management strategy for a protected area system in Vietnam to 2010. Hanoi.
- Grieser Johns, A. 1997. Timber production and biodiversity conservation in tropical rain forests. Cambridge University Press, Cambridge, UK.
- HRDP. 2004. Progress report, 2004. HRDP Project, Ha Tinh province, February 2005.
- Kremen, C. *et al.* 1994. Ecological monitoring: a vital need for integrated conservation and development programs in the tropics. *Conservation Biology* 8: 388-397.
- Luttrell, C. *et al.* 2004. Thematic policy note: sustainable livelihood opportunities and resource management in coastal communities facing 'special difficulties'. DFID, Hanoi.
- Margoluis, R. & Salafsky, N. 1998. Measures of success: designing, managing and monitoring conservation and development projects. Island Press, Washington DC, USA.
- PARC. 2004. Biodiversity conservation through landscape ecology. PARC project and Forest Protection Department, Hanoi. May 2004.
- PARC. 2004. Integrating conservation and development through participatory resource use planning. PARC project and Forest Protection Department, Hanoi. November 2004.
- Peoples' Committee of Huong Son District. 2004. Draft action plan: pilot development of non-timber forest products – rattan and bamboo – in Huong Son District. Peoples' Committee of Huong Son District, Huong Son, December 2004.
- Peoples' Committee of Huong Son District, Centre of Human Ecology Studies in Mountainous Areas & Working Group on Enterprise Development. 2005. Strategy for rattan production development in Huong Son District and action plan for 2005 for pilot planning of rattan production in Son Kim and Son Quang communes. Peoples' Committee of Huong Son District, Huong Son, January 2005.
- Sage, N. & Nguyen Cu. 2001. A discussion paper on analysis of constraints and enabling factors of integrated conservation and development projects (ICDP) in Vietnam. ICDP Working Group, Hanoi.
- Sanderson, S.E. & Redford, K.H. 2003. Contested relationships between biodiversity conservation and poverty alleviation. *Oryx* 37: 389-390.
- SFNC. 2002. Large mammal action plan for the Pu Mat National Park, with particular reference to the saola. SFNC project, Vinh, Nghe An province. May 2002.
- SFNC. 2004. Evaluation of the success of the biodiversity conservation programme at Pu Mat NP. February 2004.
- SFNC. 2004. Gross margin analysis. SFNC project, Vinh, Nghe An province. June 2004.
- SFNC. 2004. Allocation and contracting of forestry land. SFNC project, Vinh, Nghe An province. August 2004.
- SFNC. 2004. Pangolins for TVs: a case study of the commercialisation of Vietnam's wildlife and the impact of a development project. A. Grieser Johns. September 2004.

- SFNC. 2004. Project completion report (21 May 1997 – 20 December 2004). SFNC project, Vinh, Nghe An province. December 2004.
- SFNC & WWF-Indochina. 2004. Re-discovering the saola: proceedings of a workshop. SFNC, Vinh, Nghe An province and WWF Indochina, Hanoi.
- SPAM. 2002. Institutional strengthening and capacity building for biodiversity conservation in protected areas. SPAM project, Hanoi, Technical report no. 8.
- VRTC. 2001. Materials of zoological and botanical studies in Vu Quang Nature Reserve (Ha Tinh province, Vietnam). Russian Academy of Sciences, Moscow.
- World Bank. 2005. The illegal trade in animals and plants in South-east and East Asia: why the World Bank should care. World Bank, Washington DC, June 2005.
- World Bank. 2005. Vietnam environment monitor – biodiversity. World Bank, Hanoi; draft report June 2005.